

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là việc đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản Cáo Bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

Quỹ được mô tả trong Bản Cáo Bạch này được thành lập theo luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ĐẦU TƯ UNITED THU NHẬP NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM

(SỬA ĐỔI LẦN THỨ NHẤT)

THÔNG TIN QUỸ:

Tên Quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ UNITED THU NHẬP NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 05 năm 2024

Loại hình quỹ: Quỹ mở

Ngày đăng ký Bản Cáo Bạch với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: 17 / 12 / 2024

Thời hạn hiệu lực của Bản Cáo Bạch kể từ ngày: 02 / 01 / 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nguyễn Thị Kim Oanh

Chức vụ: Trưởng Bộ phận Pháp chế – Công ty cổ phần quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam)

Địa chỉ liên lạc: Lầu 07, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 3910 3757

Fax: (028) 3910 3794

NƠI CUNG CẤP CÁC TÀI LIỆU QUỸ

Bản Cáo Bạch cùng với các tài liệu của Quỹ (Điều lệ quỹ, báo cáo giá trị tài sản ròng, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính và các tài liệu cần thiết khác) được cung cấp trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty cổ phần quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam) (uobam.com.vn), tại trụ sở Công ty và các Đại Lý Phân Phối.

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.	5
1.	Công Ty Quản Lý Quỹ	5
2.	Ngân Hàng Giám Sát	5
II.	CÁC THUẬT NGỮ/ ĐỊNH NGHĨA	5
III.	CƠ HỘI ĐẦU TƯ	8
1.	Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam năm 2024	9
2.	Thị trường chứng khoán Việt Nam và cơ hội đầu tư.....	10
IV.	THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ	14
1.	Công Ty Quản Lý Quỹ.....	14
2.	Ngân Hàng Giám Sát	17
3.	Công Ty Kiểm Toán.....	18
4.	Đại Lý Phân Phối	18
5.	Các tổ chức được ủy quyền.....	18
V.	CÁC THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ	19
1.	Thông tin chung về Quỹ	19
2.	Ban Đại Diện Quỹ:	19
3.	Người Điều Hành Quỹ.....	21
VI.	MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ, PHÂN BỐ TÀI SẢN, PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN ĐẦU TƯ VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	21
1.	Mục tiêu đầu tư.....	21
2.	Chiến lược đầu tư	21
3.	Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư.....	22
4.	Hạn chế đầu tư	23
5.	Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ, bán khống của Quỹ.....	26
6.	Phương pháp lựa chọn đầu tư.....	26
VII.	CÁC RỦI RO KHI ĐẦU TƯ VÀO QUỸ.....	27
1.	Rủi ro thị trường	27
2.	Rủi ro lạm phát	28
3.	Rủi ro lãi suất	28
4.	Rủi ro tỷ giá	28
5.	Rủi ro biến động giá thị trường.....	29
6.	Rủi ro pháp lý	29
7.	Rủi ro về chiến lược đầu tư.....	29
8.	Rủi ro hạn chế đầu tư	30
9.	Rủi ro lãi suất định giá	30
10.	Rủi ro thanh toán.....	30
11.	Rủi ro thanh khoản.....	30
12.	Rủi ro xung đột lợi ích	31
13.	Rủi ro bất khả kháng	31

45
CÔ
PH
Y U
IANA
(VI
T.

VIII.	PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG (IPO).....	31
1.	Căn cứ pháp lý	31
2.	Một số thông tin chính trong đợt phát hành lần đầu ra công chứng (IPO)	32
IX.	GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	33
1.	Các quy định chung	33
2.	Giao dịch mua Chứng Chỉ Quỹ	36
3.	Giao dịch bán Chứng Chỉ Quỹ	37
4.	Giao dịch chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ	37
5.	Thực hiện một phần lệnh giao dịch	38
6.	Tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ	39
7.	Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế ...)	40
8.	Chương trình đầu tư định kỳ (SIP).....	40
9.	Thông tin dành cho Nhà đầu tư liên quan đến Hoa Kỳ.....	41
10.	Một số lưu ý cho Nhà Đầu Tư nước ngoài	41
X.	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG.....	42
1.	Tần suất xác định giá trị tài sản ròng	42
2.	Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng.....	42
3.	Công bố giá trị tài sản ròng	43
XI.	CÁC LOẠI GIÁ DỊCH VỤ VÀ CHI PHÍ.....	43
1.	Các loại giá dịch vụ do Nhà Đầu Tư trả	43
2.	Các loại giá dịch vụ do Quỹ trả	44
3.	Các chỉ tiêu hoạt động	46
4.	Phương pháp tính thu nhập và Phân chia lợi nhuận của Quỹ.....	47
5.	Chính sách thuế	48
6.	Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ	48
7.	Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ.....	48
XII.	XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	48
XIII.	CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	49
XIV.	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ	49
XV.	CAM KẾT	50
XVI.	PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM.....	50
	PHỤ LỤC 1: QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ.....	51
	PHỤ LỤC 2: MẪU GIẤY GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ.....	54
	PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐIỂM NHẬN LỆNH GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ UVDIF VÀ ĐỊA CHỈ CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH.....	55
	PHỤ LỤC 4: TÓM TẮT ĐIỀU LỆ QUỸ	57
	PHỤ LỤC 5: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN	74

KHUYẾN CÁO CHO NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà Đầu tư cần đọc kỹ Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch này trước khi cân nhắc việc mua Chứng Chỉ Quỹ và nên chú ý tới các khoản giá dịch vụ khi giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Bản Cáo bạch này được Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng chung cho các đối tượng khách hàng khác nhau, không dựa trên mục đích đầu tư, năng lực tài chính hay nhu cầu đầu tư của bất kỳ khách hàng, nhóm Nhà Đầu Tư cụ thể nào. Vì vậy, trước khi đầu tư vào Quỹ, Nhà Đầu Tư nên cân nhắc, bảo đảm việc đầu tư vào Quỹ phù hợp với mục tiêu đầu tư của mình;
2. Giá giao dịch chứng chỉ quỹ có thể thay đổi phụ thuộc vào tình hình thị trường và Nhà Đầu Tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư vào Quỹ;
3. Kết quả đầu tư của Công Ty Quản Lý Quỹ và kết quả đầu tư của Quỹ trong quá khứ (nếu có) không có nghĩa hay hàm ý bảo đảm kết quả đầu tư tương tự trong tương lai của Quỹ và không đảm bảo lợi nhuận hay việc bảo toàn vốn của Nhà Đầu Tư.
4. Chứng Chỉ Quỹ là loại chứng khoán khác về bản chất và phương diện rủi ro so với các công cụ đầu tư do các tổ chức tín dụng phát hành như chứng chỉ tiền gửi, công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác có lãi suất cố định hoặc có bảo đảm lợi tức. Việc đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ sẽ không có nghĩa Nhà Đầu Tư được cam kết hoàn lại bất kỳ một khoản thanh toán, lợi nhuận hoặc khoản vốn cố định nào. Nhà Đầu Tư nên tham khảo thêm các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ tại Mục VII Bản Cáo Bạch này và tham khảo ý kiến chuyên gia tài chính trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ.

CH
NT
SET
T.C

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công Ty Quản Lý Quỹ
Công ty cổ phần quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam)
Ông: Lee Wai Fai Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà: Thiều Thị Nhật Lệ Chức vụ: Tổng giám đốc
Bà: Phùng Thị Cẩm Nhung Chức vụ: Kế toán trưởng
Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là phù hợp với thực tế mà Công ty được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân Hàng Giám Sát
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)
Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thúy Hạnh
Chức vụ: Tổng giám đốc
Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ QUỸ ĐẦU TƯ UNITED THU NHẬP NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM (Sau đây gọi tắt là “UVDIF”) do Công ty cổ phần quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam) (Sau đây gọi tắt là “UOBAM (Việt Nam)”) lập. Chúng tôi, với tư cách là Ngân hàng giám sát của UVDIF xác nhận các thông tin có liên quan đến ngân hàng giám sát trong bản cáo bạch này và sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp Đồng Cung Cấp Dịch Vụ Giám Sát Quỹ giữa chúng tôi với Công ty cổ phần quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam), là công ty quản lý quỹ của UVDIF và theo quy định pháp luật.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ ĐỊNH NGHĨA

Tại Bản Cáo Bạch này, các từ, cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

“Quỹ”	Là QUỸ ĐẦU TƯ UNITED THU NHẬP NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM (Sau đây gọi tắt là “UVDIF”), là một quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở, thực hiện chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng và được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều Lệ Quỹ.
“Công Ty Quản Lý Quỹ”	Là Công ty cổ phần quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam), được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 01 năm 2009 và được điều chỉnh theo từng thời điểm, với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Công Ty Quản Lý Quỹ được Nhà Đầu Tư ủy thác quản lý UVDIF, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Chương V của Điều lệ Quỹ.

"Ngân Hàng Giám Sát"	Là Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (Sau đây gọi tắt là Ngân Hàng Standard Chartered) là ngân hàng 100% vốn nước ngoài, thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) và được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 07 tháng 5 năm 2015, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Chương VI của Điều lệ Quỹ.
"Công Ty Kiểm Toán"	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ, do Đại hội Nhà Đầu Tư chỉ định nhằm thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ. Công ty kiểm toán nằm trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") chấp thuận.
"Điều Lệ UVDIF"	Là Điều lệ tổ chức và hoạt động của UVDIF, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Bản Cáo Bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ.
"Hợp Đồng Giám Sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu Tư của Quỹ.
"Nhà Đầu Tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ
"Đại Hội Nhà Đầu Tư"	Là đại hội của Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
"Ban Đại Diện Quỹ"	Là những người đại diện cho Nhà Đầu Tư được Đại hội Nhà Đầu Tư bầu ra để thay mặt Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
"Vốn Điều Lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà Đầu Tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ Quỹ.

A
 CÔ
 PHÁP
 LÝ U
 AN
 (VIỆ
 T

“Đơn Vị Quỹ”	Là Vốn Điều Lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá Đơn Vị Quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi Đơn Vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
“Chứng Chỉ Quỹ Đầu Tư UVDIF”	Sau đây gọi tắt là Chứng Chỉ Quỹ. Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
“Giá Bán/ Giá Phát Hành”	Là mức giá mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua Chứng chỉ Quỹ từ Quỹ.
“Giá Mua Lại”	Là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại Chứng chỉ Quỹ từ Nhà Đầu Tư.
“Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ”	Là giá dịch vụ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ cho Quỹ được quy định tại Điều Lệ Quỹ.
“Giá Dịch Vụ Phát Hành”	Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua Chứng Chỉ Quỹ từ Quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) được quy định tại Điều Lệ Quỹ và tại chương XI của Bản cáo bạch này.
“Giá Dịch Vụ Mua Lại”	Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi bán Chứng Chỉ Quỹ cho Quỹ. Giá Dịch Vụ Mua Lại được tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị giao dịch mua lại quy định tại Điều lệ Quỹ và tại chương XI của Bản cáo bạch này.
“Năm Tài Chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá.
“Ngày Định Giá”	Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ.
“Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ”	Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng Chỉ Quỹ từ Nhà Đầu Tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ.
“Thời Điểm Đóng Sở Lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện giao dịch trong Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ. Thời điểm đóng sở lệnh được quy định tại Điều lệ Quỹ, công bố công khai tại bản cáo bạch và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

“Dịch Vụ Quản Trị Quỹ”	Là dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ; - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ; - Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
“Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng”	Là dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Lập và quản lý Sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, tài khoản ký danh của Đại Lý Phân Phối và các tiểu khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư; Xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ mở; - Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ; cập nhật Sổ chính; - Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư; - Duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác; - Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
“Đại Lý Phân Phối”	Là tổ chức: - Đã được UBCKNN cấp phép về dịch vụ Đại lý phân phối; - Đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc/ và Công Ty Quản Lý Quỹ.
“Đại Lý Ký Danh”	Là Đại Lý Phân Phối đứng tên tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà Đầu Tư tại sở phụ.
“Người Có Liên Quan”	Theo Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021.
“Các Định Nghĩa Khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam năm 2024

Trong chín tháng đầu năm 2024, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục khởi sắc nhờ động lực tăng trưởng về mọi mặt. Theo Tổng cục Thống kê (TCTK), GDP trong chín tháng ước tính tăng trưởng 6,82% phản ánh tốc độ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, cao hơn mục tiêu của Quốc hội giao (6 - 6,5%). Trong khi đó tăng trưởng quý 3 đạt tới 7,4%, hiệu suất này vượt quá mong đợi bất chấp tác động nặng nề của cơn bão Yagi lên hoạt động kinh tế của một số tỉnh phía Bắc vào đầu tháng 9. Trong đó, Khu vực Công nghiệp và Xây dựng tăng trưởng mạnh nhất 8,19% so với cùng kỳ đóng góp 46,22% vào mức tăng trưởng GDP chung. Khu vực Dịch vụ tăng 6,95% so với cùng kỳ, đóng góp 46,22% vào tăng trưởng GDP chung. Khu vực Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản do chịu ảnh hưởng của cơn bão số 3 chỉ tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 5,37% vào mức tăng trưởng chung. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) cũng tăng trưởng mạnh 8,6% so với cùng kỳ năm trước trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,9% so với cùng kỳ.

Hoạt động xuất khẩu chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ hai con số trong 9 tháng đầu năm. Qua đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 299,63 tỷ USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước, trong khi nhập khẩu tăng 17,3% so với cùng kỳ lên 246,02 tỷ USD, dẫn đến thặng dư thương mại là 20,79 tỷ USD.

Giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) duy trì vững chắc, lạm phát được kiểm soát tốt và tiêu dùng trong nước tăng mạnh nhờ sự trở lại của lượng khách quốc tế.

Giá trị giải ngân trong 9 tháng đầu năm tăng 8,9% so với cùng kỳ năm ngoái lên 17,34 tỷ USD. Trong khi đó, vốn FDI cam kết đạt 24,78 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó Singapore, Trung Quốc, Hàn Quốc là những nhà đầu tư FDI lớn nhất vào cả nước. Trong năm tới, nguồn vốn FDI vào Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng nhờ Việt Nam sở hữu những yếu tố hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài như môi trường chính trị ổn định, vị trí địa lý chiến lược, tầng lớp trung lưu ngày càng tăng cũng như Việt Nam là thành viên của nhiều Hiệp định thương mại tự do.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trong 9 tháng đầu năm tăng 8,8% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó doanh thu bán lẻ hàng hóa, bán lẻ dịch vụ lưu trú & ăn uống và lữ hành du lịch lần lượt tăng 7,9%, 13,6% và 16,7% so với cùng kỳ. Lượng khách du lịch quốc tế vượt 12,7 triệu, tăng 43% so với cùng kỳ năm trước, tiếp tục thúc đẩy doanh số bán lẻ và dịch vụ. Chỉ số CPI năm 2023 trung bình đạt 3,25% so với cùng kỳ, thấp hơn mức mục tiêu của chính phủ.

Năm 2024, Chính phủ tiếp tục đưa ra nhiều biện pháp để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục duy trì chính sách nới lỏng tiền tệ với lãi suất chính sách vẫn ở mức thấp không đổi so với năm 2023 mặc dù áp lực tỷ giá gia tăng trong 9 tháng đầu năm 2024. Ngoài ra, nhiều chính sách quan trọng liên quan đến lĩnh vực bất động sản (BDS) như Luật Đất đai, Luật Nhà ở và Luật kinh doanh BDS cũng đã có hiệu lực từ tháng 08/2024 được kỳ vọng sẽ khơi thông pháp lý cho các dự án BDS trong thời gian tới.

Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục được kỳ vọng có nhiều dấu hiệu cải thiện trong năm 2025 và xuất khẩu sẽ tăng trưởng mạnh trở lại nhờ nhu cầu phục hồi từ thị trường thế giới. Tuy vậy, các yếu tố vĩ mô

khách quan khác như chính sách điều hành lãi suất của FED, mức độ tăng trưởng của các nền kinh tế lớn trên thế giới (Mỹ, Trung Quốc, Châu Âu), sự không chắc chắn trong chính sách từ tổng thống mới của Mỹ và tình hình địa chính trị quốc tế phức tạp là những rủi ro đáng kể đến các kịch bản xảy ra cho nền kinh tế Việt Nam.

2. Thị trường chứng khoán Việt Nam và cơ hội đầu tư

a. Thị trường cổ phiếu

✦ Tổng quan thị trường cổ phiếu Việt Nam năm 2024

Tính đến cuối tháng 9/2024, chỉ số VN-index đóng cửa ở mức 1.287,94 điểm, tăng trưởng 14% so với đầu năm. Trong khi đó, HNX-index kết thúc tháng 9 ở mức 234,91 điểm, chỉ tăng 1,68% so với đầu năm. Nhìn chung chỉ số VN-Index có diễn biến phù hợp với thị trường chứng khoán toàn cầu và tăng trưởng vượt trội so với các thị trường mới nổi trong 9 tháng đầu năm 2024.

Sự phục hồi mạnh mẽ của VN-Index được thúc đẩy bởi các yếu tố chính: (i) Fed cắt giảm lãi suất 50 điểm cơ bản lần đầu tiên sau 4 năm, đưa lãi suất liên bang xuống mức 4,75 – 5,00% trước các dữ liệu lạm phát đã hạ nhiệt và nền kinh tế Mỹ vẫn tăng trưởng tốt (ii) NHNN giảm lãi suất OMO xuống 4,0%/năm, thể hiện mong muốn hỗ trợ thanh khoản hệ thống, (iii) Thông tư 68/2024/TT-BTC quy định về loại bỏ ký quỹ trước giao dịch đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài đã được ban hành, điều này làm tăng khả năng thị trường Việt Nam sẽ được nâng cấp lên Thị trường mới nổi vào năm 2025, (iv) kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm của các doanh nghiệp có sự tăng trưởng mạnh mẽ 15% so với cùng kỳ năm trước (dựa trên số liệu thống kê của UOBAM Vietnam). Những yếu tố tích cực đó đã thúc đẩy niềm tin của nhà đầu tư, đặc biệt là các cổ phiếu lĩnh vực tài chính.

Trong quý 3, Ngành Ngân Hàng và Dịch vụ tài chính dẫn đầu sự phục hồi của thị trường với tăng trưởng thu nhập mạnh mẽ nhờ tăng trưởng tín dụng duy trì tốt và các thông tin tích cực liên quan đến việc loại bỏ quy định ký quỹ trước cho nhà đầu tư tổ chức nước ngoài. Bán lẻ cũng là một trong ba ngành tăng trưởng tốt được hỗ trợ bởi tiêu dùng nội địa hồi phục.

Tâm lý nhà đầu tư trong nước tích cực do đó thanh khoản giao dịch trung bình hằng ngày có sự cải thiện mạnh mẽ so với cùng kỳ năm trước, tính trên cả 3 sàn đạt 22.551 tỷ đồng, tăng 29,3% so với cùng kỳ năm trước.

Về giao dịch của khối ngoại, khối ngoại bán ròng mạnh trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt 66.985 tỷ đồng do dòng vốn có xu hướng rút khỏi thị trường mới nổi và cận biên trong đó có Việt Nam. Ngoài ra, lãi suất tại Việt Nam thấp và thị trường trở nên kém hấp dẫn hơn so với một vài khu vực và thị trường phát triển khác cũng là một số nhân tố khiến khối ngoại bán ròng.

✦ Cơ hội đầu tư:

Cuối năm 2024 và đầu năm 2025, thị trường chứng khoán được đánh giá sẽ tiếp tục xu hướng tăng trưởng với các luận điểm hỗ trợ như sau:

- Ngân hàng Nhà nước dự kiến sẽ tiếp tục theo đuổi chính sách nới lỏng tiền tệ với việc duy trì mặt bằng lãi suất thấp, nới room tín dụng, tái cơ cấu các doanh nghiệp gặp khó khăn và hỗ trợ các ngành nghề trọng điểm của nền kinh tế.
- Chính phủ tiếp tục chỉ đạo quyết liệt đẩy mạnh giải ngân đầu tư công nhằm hỗ trợ nền kinh tế. Các dự án đang và sắp triển khai sắp tới như sân bay Long Thành, các phân đoạn của cao tốc Bắc-Nam dự kiến sẽ giúp các ngành xây dựng hạ tầng và vật liệu xây dựng (thép, xi măng, đá,...) hưởng lợi trực tiếp và ảnh hưởng tích cực gián tiếp đến nhiều ngành nghề khác.
- Tăng trưởng mạnh từ số lượng khách du lịch nước ngoài cũng là động lực cho các ngành dịch vụ và tiêu dùng.
- Tăng trưởng kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ cao hơn trong năm 2025 nhờ sự phục hồi của lĩnh vực xuất khẩu đi cùng với nhu cầu cải thiện của kinh tế toàn cầu. Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025 là 6,5 – 7% trong khi đó Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam sẽ đạt 6,5% trong năm 2025, cao hơn mức dự báo 6% trước đây vào tháng 04/2024 và tiếp tục trong nhóm dẫn đầu thế giới về tốc độ tăng trưởng.
- Việc ban hành quy định về loại bỏ ký quỹ trước đã cho thấy quyết tâm mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam trong việc nâng cấp thị trường Việt Nam lên Thị trường mới nổi vào năm 2025 theo tiêu chí của FTSE sẽ tạo lực đẩy đáng kể cho thị trường chứng khoán Việt Nam. Với việc nâng cấp thị trường, dòng vốn nước ngoài dự kiến sẽ đi vào thị trường Việt Nam khoảng 800 triệu đô đến 1 tỷ đô từ các quỹ ETF. Ngoài ra, dòng vốn từ các quỹ chủ động có thể gấp 5 lần các quỹ ETF.
- Về kinh tế thế giới, lạm phát toàn cầu hạ nhiệt, đặc biệt ở các thị trường lớn như Mỹ, Châu Âu được kỳ vọng giúp các Ngân hàng Trung ương áp dụng chính sách tiền tệ ôn hòa hơn. Tuy vậy, tình hình địa chính trị liên tục thay đổi, rủi ro suy thoái và lạm phát có thể khiến tiến trình giảm lãi suất chậm hơn trong thời gian tới khiến mặt bằng lãi suất vẫn duy trì ở mức cao trong thời gian dài vẫn là các yếu tố rủi ro mà nhà đầu tư cần xem xét.
- Kinh tế Việt Nam vẫn là điểm sáng đầu tư đối với nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài nhờ vị trí địa lý thuận lợi, nền chính trị ổn định, kinh tế được dự báo tiếp tục tăng trưởng cao trong thời gian tới, nguồn lao động trẻ dồi dào cùng thị trường tiêu thụ gần 100 triệu dân. Đặc biệt, Việt Nam cũng được kỳ vọng sẽ trở thành một điểm đến tiềm năng của các nhà sản xuất bán dẫn, qua đó sẽ giúp Việt Nam thu hút mạnh mẽ các dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong thời gian tới.

b. Thị trường trái phiếu

Tổng quan thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2024

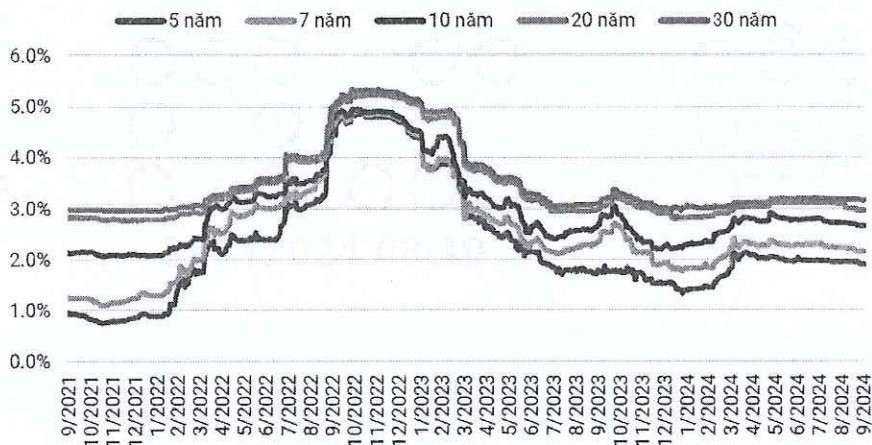
Trái phiếu chính phủ (TPCP)

Theo Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA), giá trị niêm yết trái phiếu chính phủ thời điểm 30/09/2024 đạt hơn 2,17 triệu tỷ đồng. Trong 9T.2024, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã tổ

chức đấu thầu thành công 271,7 nghìn tỷ đồng TPCP trong khi 63,5 nghìn tỷ đồng TPCP đáo hạn, dẫn đến lượng phát hành ròng đạt 208,2 nghìn tỷ đồng, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2023.

Trên thị trường thứ cấp, tổng giá trị giao dịch trung bình trong tháng 9/2024 đạt 258 nghìn tỷ đồng, trung bình mỗi phiên đạt hơn 13,6 nghìn tỷ đồng, tăng 23% so với tháng trước. Sau các đợt bán ròng trong năm 2022 và 2023, các nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng trở lại trong 9T.2024 đạt 1.099 tỷ đồng.

Lợi suất trái phiếu thứ cấp sau khi tăng khá mạnh trong quý 1/2024 thì đã gần như đi ngang và giảm nhẹ đôi chút trong quý 3/2024. Đến cuối tháng 09/2024, lợi suất giao dịch thứ cấp của TPCP kỳ hạn 10 năm, 15 năm, 20 năm và 30 năm ở mức 2.66%, 2,86%, 2,97% và 3,17%, tăng lần lượt 44, 44, 6 và 16 điểm cơ bản so với cuối năm 2023.



Lợi suất trái phiếu chính phủ trên thị trường thứ cấp

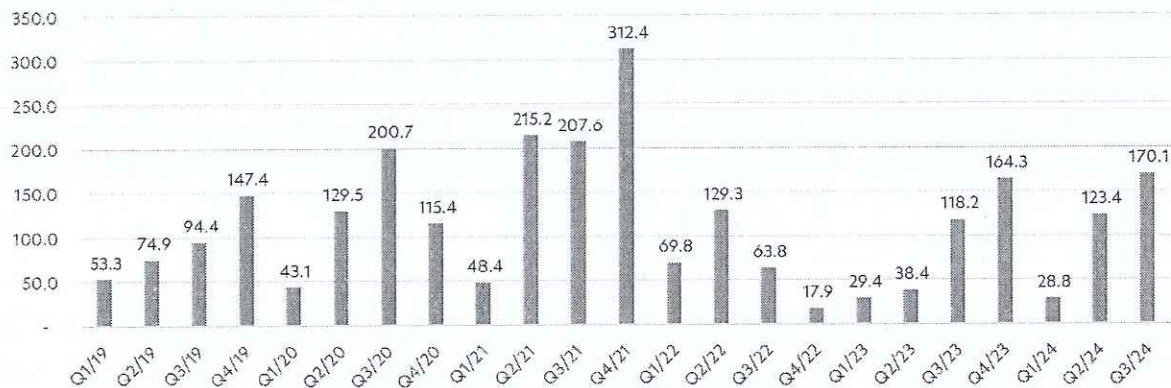
Nguồn: VBMA

Trái phiếu doanh nghiệp (TPDN)

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp sau khi trải qua hơn một năm 2022 đầy thăng trầm và chứng kiến niềm tin của nhà đầu tư xuống thấp thì đã có nhiều dấu hiệu tích cực hơn trong năm 2023 và duy trì tiếp tục trong 9T.2024. Đến cuối tháng 09/2024, tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp đang lưu hành đạt gần 1.197 nghìn tỷ đồng (đạt tỷ lệ khoảng 11,3% so với GDP năm 2023 của Việt Nam). Xét cơ cấu ngành, ngành ngân hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong dư nợ TPDN (đạt hơn 525,7 nghìn tỷ, tỷ trọng 43,9%), tiếp đến là ngành bất động sản (đạt gần 352,9 nghìn tỷ, tỷ trọng 29,5%). Về phương thức phát hành, các tổ chức phát hành rất ưa chuộng phát hành riêng lẻ, với tỷ trọng chiếm hơn 89,0% trong tổng dư nợ TPDN.

Trong Q3/2024 vừa qua, tổng giá trị phát hành TPDN thành công đạt khoảng 170,1 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh 37,8% so với quý trước và 43,9% so với cùng kỳ năm 2023. Kỳ hạn phát hành trung bình là 4,4 năm và lãi suất coupon trung bình là 6,4%/năm. Về phân loại theo ngành, ngành ngân hàng chiếm tỷ trọng áp đảo trong giá trị trái phiếu phát hành (81,4%), theo sau là ngành bất động sản (10,3%). Lũy kết trong 9T.2024, tổng giá trị phát hành đạt khoảng 322,4 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh 73,3% so với

cùng kỳ năm 2023. Trong đó, ngành ngân hàng chiếm tỷ trọng 72,5%, theo sau là ngành bất động sản với 17,1%. Phương thức phát hành riêng lẻ vẫn chiếm ưu thế với tỷ trọng 91%.



Giá trị TPDN phát hành mỗi quý qua các năm (nghìn tỷ đồng)

Nguồn: Fiinpro, UOBAMVN tổng hợp

Trên thị trường thứ cấp, giá trị giao dịch trung bình tháng 9/2024 đạt 4.822 tỷ đồng/ngày, tăng gần 40% so với tháng trước. Trong đó, giá trị giao dịch của trái phiếu niêm yết đạt 479 tỷ đồng/ngày (tăng vọt 129%) và trái phiếu riêng lẻ đạt 4.344 tỷ đồng/ngày (tăng 34%). Về lợi suất trái phiếu, các ngành có lợi suất cao nhất là bất động sản và xây dựng, ở mức từ 9,9% - 10,8%.

Về hoạt động mua lại TPDN trước hạn của các tổ chức phát hành, trong tháng 9/2024, các doanh nghiệp đã mua lại 11.749 tỷ đồng trái phiếu trước hạn, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2023. Lũy kế hết 9T.2024, tổng giá trị TPDN được mua lại đạt hơn 146,5 nghìn tỷ đồng, giảm 18,5% so với cùng kỳ.

Cơ hội đầu tư

Thị trường trái phiếu Việt Nam, đặc biệt là trái phiếu doanh nghiệp tuy vẫn còn một số khó khăn cần giải quyết nhưng dư địa tăng trưởng và cơ hội đầu tư còn rất lớn. Chính phủ đang định hướng xây dựng thị trường TPDN trở thành một trụ cột của thị trường tài chính Việt Nam, tạo kênh dẫn vốn và động lực phát triển cho nền kinh tế trong giai đoạn phát triển sắp tới. Hiện nay tổng dư nợ TPDN chỉ mới đạt mức 11,3% GDP Việt Nam, còn thấp hơn đáng kể so với các nước trong khu vực như Thái Lan (25,5% GDP), Singapore (34,3% GDP) hay Malaysia (54,3% GDP). Thị trường TPDN cũng được kỳ vọng sẽ phát triển minh bạch và bền vững hơn trong thời gian tới nhờ các giải pháp hỗ trợ như sau:

- Hoàn thiện hành lang pháp lý liên quan đến việc phát hành TPDN riêng lẻ trong đó siết chặt các điều kiện phát hành về mục đích sử dụng vốn, kiểm toán mục đích vốn ... nhằm nâng cao chất lượng phát hành cũng như giảm bớt rủi ro cho nhà đầu tư và thị trường. Ngoài ra các quy định hiện nay cũng định hướng đẩy mạnh kênh phát hành ra công chúng thay vì kênh phát hành riêng lẻ để hạn chế bớt rủi ro cho thị trường.
- Quy định về xếp hạng tín nhiệm đối với các TPDN khi phát hành đối với một số trường hợp bắt buộc đã có hiệu lực kể từ đầu năm 2024. Hiện nay Bộ Tài Chính cũng đã cấp phép cho 04 tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập và các tổ chức này cũng đã tiến hành một số đánh giá tín

nhiệm cho các tổ chức phát hành và trái phiếu trên thị trường. Sự hiện diện của tổ chức này sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển của thị trường sắp tới, cung cấp thêm thông tin cũng như các đánh giá chuyên sâu cho nhà đầu tư và phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Các dự luật chứng khoán dự kiến sẽ chuyên nghiệp hóa về loại hình nhà đầu tư tham gia trên thị trường trái phiếu riêng lẻ. Cụ thể, các quy định mới sẽ hạn chế các nhà đầu tư cá nhân trong việc tham gia đầu tư trái phiếu riêng lẻ và mở rộng hơn cho các chế tài chính chuyên nghiệp. Điều này phù hợp với thực tiễn thị trường khi có thể bảo vệ các nhà đầu tư cá nhân khỏi các rủi ro liên quan đến loại hình đầu tư này khi họ chưa trang bị đầy đủ các kiến thức đầu tư cũng như thiếu khả năng tiếp cận thông tin. Đồng thời, việc các nhà đầu tư tổ chức với nhiều chuyên môn và kinh nghiệm tham gia thị trường sẽ giúp thị trường phát triển chuyên nghiệp và bền vững hơn
- Từ khi Bộ tài chính cho ra mắt hệ thống giao dịch trái phiếu riêng lẻ trực thuộc HNX vào tháng 07/2023, tính thanh khoản cũng như sự minh bạch thông tin đã được cải thiện đáng kể.
- Với việc ngành bất động sản luôn chiếm tỷ trọng lớn trong phát hành TPDN, Chính phủ, Quốc hội và các ban ngành liên quan cũng đã đẩy mạnh rà soát và thông qua các quy định pháp luật sửa đổi liên quan đến luật đất đai, luật nhà ở, luật kinh doanh bất động sản... nhằm tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong việc triển khai dự án cũng như giảm bớt tình trạng đầu cơ và hỗ trợ thị trường phát triển bền vững hơn.
- Bộ Tài chính đang tăng cường công tác quản lý giám sát, thanh, kiểm tra các hoạt động liên quan đến phát hành, cung cấp dịch vụ về TPDN của các công ty chứng khoán, doanh nghiệp phát hành và các tổ chức cung cấp dịch vụ để phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, tăng cường tính minh bạch của thị trường, đảm bảo thị trường trái phiếu doanh nghiệp trở thành một kênh huy động vốn quan trọng, hiệu quả cho doanh nghiệp.

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ

Tên công ty:	Công ty cổ phần quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam)
Tên viết tắt:	UOBAM (Việt Nam)
Giấy phép thành lập và hoạt động:	Số 49/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 23/01/2009 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0306790482
Vốn điều lệ:	140.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tỷ Đồng Việt Nam)
Trụ sở chính:	Tầng 7, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	(84 28) 3910 3757
Fax:	(84 28) 3910 3794
Email:	vn-uobam-bd@UOBgroup.com

Website: www.uobam.com.vn

1.1. Giới thiệu về Công ty cổ phần quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam)

Công ty cổ phần quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam), tiền thân là Công ty cổ phần quản lý quỹ VIPC được thành lập vào năm 2009, sau đó được đổi tên thành Công ty cổ phần quản lý quỹ VAM Việt Nam vào năm 2013. Sau khi được UOB Asset Management Ltd., (Singapore) mua lại vào đầu năm 2021, công ty đổi tên thành Công ty cổ phần quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “UOBAM (Việt Nam)”). UOBAM (Việt Nam) cung cấp các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán cho các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong nước và nước ngoài.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 5 năm gần nhất như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Năm	2019	2020	2021	2022	2023	6M2024
Tổng doanh thu	3.376,44	4.508,54	9.210,31	8.891,19	17.155,87	22.389,67
Tổng chi phí	5.884,32	4.338,75	15.371,65	19.380,31	27.909,22	18.203,20
Lãi/Lỗ sau thuế	(2.507,88)	169,79	(6.161,34)	(10.489,33)	(10.753,35)	4.186,46

Mục tiêu của UOBAM (Việt Nam) là trở thành một trong những công ty quản lý quỹ hàng đầu tại Việt Nam về đầu tư bền vững và áp dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo vào quy trình đầu tư. UOBAM (Việt Nam) áp dụng và tuân thủ những chuẩn mực quốc tế của tập đoàn UOBAM trong tất cả các hoạt động, bao gồm nhưng không giới hạn, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro trong hoạt động và đầu tư, tuân thủ và pháp chế, và an ninh hệ thống công nghệ thông tin. Hoạt động đầu tư luôn đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định của tập đoàn UOBAM và pháp luật. UOBAM (Việt Nam) luôn đặt Khách Hàng là trọng tâm và không ngừng nỗ lực để luôn là nhà quản lý tài sản tin cậy cho các nhà đầu tư trong nước cũng như trong khu vực và quốc tế khi đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Với hơn 15 năm đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam, đội ngũ UOBAM (Vietnam) đã xây dựng thành tích đầu tư tốt cho các quỹ đầu tư và danh mục đầu tư mà công ty quản lý. Năm 2023, UOBAM (Việt Nam) vinh hạnh nhận được giải thưởng Công ty Quản lý tài sản Sáng tạo nhất Việt Nam do Tổ chức Global Business Outlook bình chọn. Bên cạnh đó, Quỹ đầu tư Cổ phiếu United ESG Việt Nam (Quỹ UVEEF) cũng đã tự hào chiến thắng 02 giải thưởng Quỹ đầu tư cổ phiếu ESG mới tốt nhất Việt Nam và Quỹ mới ra mắt của năm (Việt Nam) lần lượt do Tổ chức International Finance và Asia Asset Management bình chọn.

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, UOBAM (Việt Nam) đang quản lý quỹ mở, danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư cho các danh mục đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam với tổng giá trị tài sản hơn 2.700 (Hai ngàn bảy trăm) tỷ đồng.

1.2. Cổ đông chính của Công Ty Quản Lý Quỹ

Công ty quản lý quỹ UOB Asset Management Ltd. (sau đây gọi tắt là “UOBAM”) là đơn vị sở hữu 99% cổ phần của Công ty cổ phần quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam). UOBAM là công ty con

với 100% vốn sở hữu bởi Ngân hàng United Overseas Bank (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng UOB”). UOBAM là công ty quản lý tài sản hàng đầu trong khu vực Châu Á, với hơn 35 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực quản lý tài sản và có văn phòng hoạt động và đầu tư tại 8 (tám) nước trong khu vực Châu Á bao gồm Singapore, Thái Lan, Malaysia, Đài Loan, Nhật Bản, Brunei, Indonesia và Việt Nam. Ngoài ra, UOBAM có công ty liên doanh trong lĩnh vực quản lý tài sản tại Trung Quốc và Ấn Độ. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, UOBAM và các công ty con đang quản lý tổng giá trị tài sản cho các nhà đầu tư là hơn 32 tỷ đô la Singapore (tương đương hơn 562 ngàn tỷ đồng). UOBAM là một trong những tập đoàn quản lý tài sản được trao nhiều giải thưởng nhất với hơn 330 giải thưởng đã giành được trong khu vực kể từ lúc thành lập. Năm 2023, UOBAM được trao giải thưởng danh giá là Nhà quản lý quỹ tốt nhất châu Á (cho hạng mục 20 năm) bởi Asia Asset Management, khẳng định tầm nhìn của UOBAM là trở thành tập đoàn quản lý quỹ hàng đầu tại châu Á có ảnh hưởng trong khu vực.

1.3. Hội đồng Quản trị UOBAM (Việt Nam)

Ông Lee Wai Fai – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Lee Wai Fai hiện là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty mẹ - UOB Asset Management Ltd. (Singapore) và là Giám đốc Tài chính (CFO) của Ngân hàng UOB.

Ông có bằng Cử nhân Kế toán (hạng ưu) của Đại học Quốc gia Singapore và bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh về Ngân hàng và Tài chính của Trường Kinh doanh Nanyang thuộc Đại học Công nghệ Nanyang của Singapore.

Ông Vana Bulbon – Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Vana Bulbon hiện là Tổng Giám đốc của Công ty UOB Asset Management (Thái Lan).

Ông có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Tài chính của Đại học San Diego State University tại San Diego, California, Hoa Kỳ và bằng Cử nhân Khoa học về Kỹ thuật điện của Đại học Chulalongkorn, Thái Lan.

Bà Thiều Thị Nhật Lệ - Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Thiều Thị Nhật Lệ hiện là Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam).

Bà có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Học viện Quản lý Maastricht, Hà Lan và bằng Cử nhân Anh văn của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh. Bà có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ tại Việt Nam.

Ông Thng Tien Tat – Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Ông Thng Tien Tat hiện là Giám đốc điều hành của Công ty UOB Venture Capital (Singapore).

Ông tốt nghiệp Đại học Công nghệ Nanyang, Singapore với bằng Cử nhân Ngân hàng và Bảo hiểm.

Ông Đinh Đức Quang – Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Đức Quang hiện là Giám đốc Khối Thị trường tiền tệ của Ngân hàng TNHH United Overseas

Bank (Việt Nam) (UOB Việt Nam).

Ông có bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Đại học Bolton (Vương quốc Anh), bằng Cử nhân Ngân hàng của Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam) và bằng Cử nhân tiếng Anh của Đại học Quốc gia Việt Nam.

1.4. Ban Điều Hành UOBAM (Việt Nam)

Bà Thiều Thị Nhật Lệ - Tổng Giám đốc

Vui lòng xem thông tin giới thiệu trong Mục 1.3 Phần IV trong Bản Cáo Bạch này.

1.5. Hội đồng Đầu tư UOBAM (Việt Nam)

Bà Thiều Thị Nhật Lệ - Chủ tịch Hội đồng Đầu tư

(Vui lòng xem thông tin giới thiệu Mục 1.3 Phần IV trong Bản Cáo Bạch này)

Bà Feng Fang – Chủ tịch dự khuyết Hội đồng Đầu tư

Bà Feng Fang hiện là Giám đốc Quản lý Rủi ro Khu vực của UOBAM.

Bà có hơn 21 năm kinh nghiệm về thị trường vốn tại Singapore. Bà hiện là Chủ tịch Hội đồng Đầu tư của UOBAM Singapore và là thành viên một số Hội đồng khác của UOBAM Singapore cũng như các công ty con khác trong tập đoàn UOBAM. Ngoài ra, bà còn là thành viên của Hội đồng Rủi ro và Hiệu suất của Hiệp hội Quản lý Đầu tư Singapore (IMAS).

Bà tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh doanh (học bằng toàn phần) tại Đại học Công nghệ Nanyang (Singapore), Thạc sĩ Tài chính tại Đại học Tây Úc, Cử nhân Kỹ thuật của Đại học Shanghai Jiao Tong (Trung Quốc).

Ông Lê Thành Hưng –Thành viên Hội đồng Đầu tư

Ông Hưng đang là Giám đốc đầu tư của UOBAM (Việt Nam).

Ông Hưng có 25 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, tư vấn đầu tư và quản lý quỹ, và 13 năm trong lĩnh vực kế toán tại Việt Nam.

Trước khi gia nhập VAM Vietnam (tiền thân của UOBAM (Việt Nam)) vào năm 2017, ông là Giám Đốc Nghiên cứu Đầu tư tại Công ty cổ phần chứng khoán Kỹ Thương. Trước đó, Ông là cố đồng sáng lập và Tổng Giám đốc CNAV Investment Counsel – đơn vị tư vấn quản lý một quỹ Canada đầu tư vào thị trường Việt Nam trong nhiều năm. Ông cũng từng giữ vai trò là Giám Đốc Đầu Tư và sau đó là Tổng Giám Đốc công ty quản lý quỹ Manulife Việt Nam trong 6 năm.

Ông Hưng tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh. Ông có Chứng chỉ Chuyên gia Phân tích Tài chính Chuyên nghiệp (CFA) và Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ tại Việt Nam.

2. Ngân Hàng Giám Sát

Tên Ngân Hàng Giám Sát: Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

Tên viết tắt: Standard Chartered Bank

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp

ngày 08 tháng 09 năm 2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký số: 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015 (và các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tháp 1 và Tháp 2, Phòng CP1.L01 & CP2.L01, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 3936 8000

Fax: 024 3837 8356

Ngân hàng Giám sát chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến hoạt động của ngân hàng giám sát theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.

3. Công Ty Kiểm Toán

Hàng năm, nhằm đảm bảo tính chính xác của các số liệu báo cáo cho Nhà Đầu Tư, căn cứ vào đề xuất tổ chức kiểm toán của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ (trong trường hợp được Đại hội Nhà Đầu Tư ủy quyền) sẽ quyết định Công Ty Kiểm Toán cho Quỹ.

4. Đại Lý Phân Phối

Chứng Chỉ Quỹ UVDIF được phân phối tại các Đại Lý Phân Phối và Điểm Nhận Lệnh được chỉ định. Danh sách Đại Lý Phân Phối và Điểm Nhận Lệnh có thể thay đổi tùy từng thời điểm sau khi hoàn thành các thủ tục thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của Pháp luật và sẽ được cập nhật thường xuyên trên website của Công Ty Quản Lý Quỹ. Danh sách các Đại Lý Phân Phối được nêu tại Phụ Lục 3 của Bản Cáo Bạch.

5. Các tổ chức được ủy quyền

5.1. Tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ:

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tháp 1 và Tháp 2, Phòng CP1.L01 & CP2.L01, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan đến việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/05/2015 (và các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến dịch vụ cung cấp theo quy định tại hợp đồng dịch vụ ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

5.2. Tổ chức được ủy quyền cung cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng:

Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)

Địa chỉ: 112 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại:

024 39747123

Fax: 024 39747120

Quyết định thành lập: Số 26/2022/QĐ-TTg ngày 16/12/2022 của Thủ tướng Chính Phủ
Tổ chức cung cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng thực hiện các quyền và chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến dịch vụ cung cấp theo quy định tại hợp đồng dịch vụ ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

V. CÁC THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về Quỹ

Tên quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ UNITED THU NHẬP NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM
Tên viết tắt: UVDIF
Tên tiếng Anh: United Vietnam Dynamic Income Fund
Loại hình quỹ: Quỹ mở
Địa chỉ liên hệ: Lầu 07, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (028) 3910 3757
Fax: (028) 3910 3794
Website đăng tải thông tin: www.uobam.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký Số 40/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/05/2024
chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng:
Giấy chứng nhận đăng ký Số 120/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/08/2024
lập quỹ đại chúng:
Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ: UVDIF là quỹ mở, tổ chức và hoạt động theo pháp luật hiện hành của Việt Nam. Quỹ có trách nhiệm phát hành và mua lại Chứng Chỉ Quỹ đã phát hành theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư vào ngày giao dịch. Quỹ không giới hạn thời hạn hoạt động.

2. Ban Đại Diện Quỹ

Ông Đỗ Thanh Tùng, CFA – Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ

Ông Tùng hiện đang là Giám đốc Tư vấn phát hành tại CTCP Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS). Ông Tùng có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, kiểm toán và tư vấn tài chính doanh nghiệp tại Việt Nam. Ông đã thực hiện tư vấn cho các tập đoàn, công ty trong việc huy động các khoản vốn từ phát hành trái phiếu, cổ phiếu với giá trị huy động hàng năm lên tới hàng chục ngàn tỷ đồng. Trước khi tham gia vào TCBS, ông Tùng là Giám đốc phụ trách phân tích đầu tư tại CTCP Quản lý quỹ Kỹ Thương. Tại đây, ông Tùng có nhiệm vụ thẩm định, phân tích và dẫn dắt đội ngũ phân tích lựa chọn các khoản đầu tư cho quỹ mở cổ phiếu TCEF và quỹ mở trái phiếu TCBF với tổng quy mô lên tới hơn 20.000 tỷ đồng. Ông cũng có kinh nghiệm sâu sắc về kiểm toán khi làm việc tại Deloitte Việt Nam. Ông Tùng tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Trung Tâm Pháp Việt Đào Tạo Về Quản Lý (CFVG Hồ Chí Minh). Ông có Chứng chỉ Chuyên gia Phân tích Tài chính Chuyên nghiệp (CFA) và Chứng chỉ

Hành nghề Quản lý quỹ tại Việt Nam.

Bà Thiều Thị Nhật Lệ - Phó Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ

Vui lòng xem Mục 1.3 Phần IV trong Bản Cáo Bạch này.

Ông Lý Trung Thành – Thành viên độc lập Ban Đại Diện Quỹ

Ông Thành hiện đang là Phó Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán RSM Việt Nam. Ông có hơn 14 năm kinh nghiệm làm việc và cung cấp các dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ, nhận diện rủi ro, dịch vụ tư vấn rủi ro và dịch vụ tư vấn kinh doanh cho các Khách Hàng là các tập đoàn đa quốc gia, doanh nghiệp FDI, các công ty niêm yết và các doanh nghiệp hàng đầu ở Việt Nam.

Ông Thành có kinh nghiệm làm việc với các công ty trong và ngoài nước trong các ngành công nghiệp khác nhau như bất động sản, sản xuất, thương mại và dịch vụ. Ông cũng phối hợp với mạng lưới RSM quốc tế để cung cấp các giao dịch hỗ trợ xuyên biên giới, đặc biệt là với RSM US, RSM Singapore, RSM Hongkong and RSM China.

Ông Thành tốt nghiệp Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Ông có Chứng chỉ Kiểm toán viên và Chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán tại Việt Nam.

Luật sư Lê Tiến Đạt – Thành viên độc lập Ban Đại Diện Quỹ

Luật sư Lê Tiến Đạt hiện đang là Giám đốc và Luật sư Điều hành của Công ty Luật TNHH ADK Vietnam. Luật sư Đạt đã có gần 13 năm kinh nghiệm hành nghề và điều hành tại các hãng luật hàng đầu tại Việt Nam. Luật sư Đạt chuyên về nhiều lĩnh vực hoạt động như doanh nghiệp, mua bán và sáp nhập (M&A), các dự án năng lượng tái tạo, bất động sản, xây dựng, các dự án đầu tư trong và ngoài nước, hòa giải và giải quyết tranh chấp, mua bán hàng hóa quốc tế.

Luật sư Đạt là thành viên phụ trách chính tư vấn thành công nhiều giao dịch mua bán và sáp nhập (M&A) trong các ngành sản xuất, kinh doanh máy móc, nông nghiệp, FMCG, xây dựng, logistic, dịch vụ kiểm tra và kiểm định kỹ thuật, giáo dục và đào tạo, dược phẩm, tư vấn quản lý, v.v.. Ông cũng là thành viên phụ trách chính để đại diện cho một công ty niêm yết ở Singapore để mua 100% cổ phần của một nhà máy đóng tàu ở tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam với giá trị giao dịch là 10 triệu USD. Trong lĩnh vực bất động sản, ông tham gia tư vấn chính trong việc đăng ký và thực hiện 2 dự án đô thị mới tại tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với tổng quy mô sử dụng đất hơn 800ha và tư vấn chính cho một tập đoàn đầu tư gồm 6 công ty có trụ sở tại Vương Quốc Anh để thoái vốn từ 4 dự án Khu công nghiệp, cảng, dân cư và dịch vụ tiện ích công nghiệp tại khu đất rộng tới 600ha tại tỉnh Long An, Việt Nam với giá trị thỏa thuận là 270 triệu USD, v.v...

Luật sư Đạt đang là trọng tài viên tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Phía Nam (STAC) và là thành viên của các hiệp hội chuyên môn như Hiệp hội Lawasia, Đoàn Luật Sư Thành phố Hồ Chí Minh, Liên đoàn luật sư Việt Nam.

Luật sư Đạt tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Luật học tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh. Ông có Chứng chỉ Hành nghề Luật sư tại Việt Nam.

3. Người Điều Hành Quỹ

Ông Lê Thành Hưng

Vui lòng xem Mục 1.5 Phần IV trong Bản Cáo Bạch này.

Bà Nguyễn Hồng Nhung

Bà Nhung đang là Chuyên viên Quản lý Danh mục Đầu tư của UOBAM (Việt Nam)

Bà Nhung có 13 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, phân tích, tư vấn và quản lý đầu tư.

Bà Nhung có 4 năm kinh nghiệm làm việc trong mảng tín dụng tại ngân hàng Shinhan Việt Nam. Từ năm 2015, bà gia nhập Công ty quản lý quỹ VAM Việt Nam và sau này là UOBAM (Việt Nam). Trong quá trình làm việc tại Công ty, bà đảm nhiệm qua các vị trí cấp quản lý trong Quản trị quỹ, Phân tích, Tư vấn và Quản lý Đầu tư.

Bà Nhung có bằng Cử nhân Tài chính Ngân hàng (loại ưu) trường Đại học Ngân hàng TP.HCM và bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Trung tâm Pháp Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG). Ngoài ra, Bà Nhung có Chứng chỉ Nhà Phân tích Tài chính Chuyên nghiệp (CFA Charterholder) và Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ tại Việt Nam.

VI. MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ, PHÂN BỐ TÀI SẢN, PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN ĐẦU TƯ VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

1. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tìm kiếm đồng thời nguồn thu nhập đều đặn định kỳ và tăng trưởng về vốn gốc trong dài hạn thông qua việc xây dựng một danh mục đầu tư đa dạng gồm các tài sản có thu nhập cố định và cổ phiếu chất lượng cao. Quỹ cũng hướng đến mục tiêu chi trả lợi tức mỗi năm.

2. Chiến lược đầu tư

- Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đầu tư đa dạng và phù hợp với các quy định đầu tư, bao gồm các loại tài sản với tỷ trọng phân bổ kỳ vọng như sau:

Tài sản	Tỷ trọng tính trên NAV
Cổ phiếu	20% - 80%
Tài sản có thu nhập cố định	20% - 80%

- Tùy theo tình hình thị trường cũng như các đánh giá phân tích mà Quỹ có sự linh hoạt trong tỷ trọng phân bổ nêu trên. Việc phân bổ từng loại tài sản tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này.
- Chiến lược đầu tư đối với mỗi loại tài sản như sau:
 - ✓ **Đối với các tài sản có thu nhập cố định**
 - Thông qua việc phân tích tổng quan thị trường, xu hướng lãi suất, đánh giá phân tích các ngành, Quỹ sẽ lựa chọn tỷ trọng phân bổ vào từng loại tài sản trong các tài sản có thu nhập

- cổ định (công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp).
- Về tiền gửi ngân hàng, Quỹ chỉ đầu tư vào tiền gửi của các ngân hàng thương mại trong Danh sách các ngân hàng được chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ. Danh mục này bao gồm các ngân hàng được xếp hạng tín nhiệm cao bởi các tổ chức xếp hạng độc lập uy tín. Đối với các công cụ thị trường tiền tệ khác, Quỹ sẽ lựa chọn kỳ hạn hợp lý, cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận, thay đổi phù hợp và điều kiện thị trường thực tế.
 - Về trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và các trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, Quỹ lựa chọn trên cơ sở nhận định xu hướng lãi suất và tính thanh khoản của các kỳ hạn khác nhau.
 - Về trái phiếu doanh nghiệp, Quỹ đầu tư vào các trái phiếu của các tổ chức phát hành có nền tảng tình hình tài chính tốt, dòng tiền ổn định và khả năng thanh toán nghĩa vụ nợ cao đồng thời tổ chức phát hành đạt mức xếp hạng tín nhiệm đạt yêu cầu thông qua hệ thống xếp hạng nội bộ cũng như tham khảo từ các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập uy tín. Ngoài ra, các trái phiếu được lựa chọn phải có cấu trúc phù hợp, lãi suất hấp dẫn so với mức rủi ro cũng như xem xét tính thanh khoản của trái phiếu. Quỹ cũng sẽ bảo đảm tính đa dạng trong việc lựa chọn trái phiếu để giảm thiểu rủi ro.
- ✓ **Đối với cổ phiếu:**
- Quỹ sẽ đầu tư kết hợp các cổ phiếu trả cổ tức cao đều đặn hàng năm và các cổ phiếu tăng trưởng. Đội ngũ đầu tư sẽ phân tích các yếu tố cơ bản, đánh giá năng lực cạnh tranh trong dài hạn của các công ty để tìm kiếm các công ty có khả năng duy trì được mức cổ tức cao hoặc có tiềm năng bứt phá trở thành công ty đầu ngành hoặc các công ty có một bước thay đổi lớn giúp cải thiện mức tăng trưởng. Quỹ cũng sẽ xem xét liệu giá cổ phiếu đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa giá trị nội tại, cơ hội tăng trưởng bền vững cũng như các rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính của công ty đó hay chưa.
 - Quỹ cũng sẽ sử dụng hài hòa phương pháp tiếp cận từ trên xuống (top-down: phân tích tổng quan vĩ mô nền kinh tế, triển vọng ngành và các công ty hưởng lợi từ các triển vọng đó) cũng như phương pháp tiếp cận từ dưới lên (bottom-up: tập trung phân tích các lợi thế cạnh tranh doanh nghiệp, tình hình tài chính, các yếu tố quản trị, định giá công ty, tỷ suất cổ tức...)
 - Quỹ sẽ thường xuyên được theo dõi và tái cân bằng danh mục một cách chủ động để theo kịp các diễn biến của thị trường cũng như theo mục tiêu chiến lược lâu dài mà Quỹ đã đề ra.
 - Nhìn chung, chiến lược đầu tư của Quỹ sẽ dựa trên nền tảng văn hóa luôn đề cao vai trò của quản trị rủi ro và tuân thủ các khung chuẩn mực quản trị rủi ro của Tập đoàn UOB Asset Management, từ đó ngăn ngừa các rủi ro cho các Khách Hàng của Tập đoàn UOB Asset Management tại Việt Nam và các nước trên thế giới.

3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư

Theo quy định của pháp luật, Quỹ được phép đầu tư vào các loại tài sản như sau:

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (1) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành;
- f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;

Các tài sản đầu tư trên đây là theo quy định của pháp luật hiện hành, trường hợp quy định pháp luật thay đổi thì tài sản đầu tư của Quỹ sẽ thay đổi tương ứng phù hợp với quy định pháp luật mới.

4. Hạn chế đầu tư

4.1. Danh mục đầu tư của UVDIF phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định rõ tại khoản 1, 2 Phần VI Bản Cáo Bạch.

4.2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm các hạn mức đầu tư sau:

- (a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm (a), (b) Mục 3 Phần VI Bản Cáo Bạch này;
- (b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- (c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại Điểm (a), (b) Mục 3 Phần VI Bản Cáo Bạch này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- (d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điểm (a), (b), (d), và (e) Mục 3 Phần VI Bản Cáo Bạch này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây:
 - (i) Công ty mẹ, công ty con;
 - (ii) Các công ty sở hữu trên ba mươi lăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau; hoặc
 - (iii) Nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.

- (e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm (e) Mục 3 Phần VI Bản Cáo Bạch này;
- (f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại Điểm (b), (d), (e) và (f) Mục 3 Phần VI Bản Cáo Bạch này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- (g) Tại mọi thời điểm, tổng dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ;
- (h) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ;
- (i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- (j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- (k) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành;
- (l) Không được thực hiện các giao dịch mua bán thỏa thuận với các quỹ khác cùng được quản lý bởi Công Ty Quản Lý Quỹ;
- (m) Không được thực hiện bất kỳ giao dịch nào với ý định mang lại lợi ích cho Công Ty Quản Lý Quỹ, người hay tổ chức được ủy thác quản lý quỹ hoặc bất kỳ bên nào ngoài lợi ích cho Nhà Đầu Tư của Quỹ.

- 4.3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) Mục 4.2 trên đây và chỉ do các nguyên nhân sau:
- (a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - (b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư;
 - (c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - (d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;

(e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

- 4.4. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d ở Mục 4.3 trên đây, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ phải điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định tại Mục 4.2 trên đây, đồng thời báo cáo đúng quy định, công bố thông tin theo đúng thời hạn của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 4.5. Trường hợp sai lệch là do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch, đồng thời báo cáo đúng quy định, công bố thông tin theo đúng thời hạn quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hoạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
- 4.6. Kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.
- 4.7. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm (a), (b) Mục 3 Phần VI Bản Cáo Bạch này của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.
- 4.8. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e Mục 3 Phần VI Bản Cáo Bạch phải đáp ứng các điều kiện sau:
- a) Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;
 - b) Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - c) Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
- 4.9. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:
- a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
 - b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - c) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.

- d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

5. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ, bán khống của Quỹ

- 5.1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
- 5.2. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng chỉ quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
- 5.3. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác.
- 5.4. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
- 5.5. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

6. Phương pháp lựa chọn đầu tư

- 6.1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ.
Lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ có kỳ hạn hợp lý, cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận, thay đổi phù hợp và điều kiện thị trường thực tế.
- 6.2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ
Lựa chọn các công cụ nợ trên cơ sở đánh giá, xếp hạng tín nhiệm nội bộ và xếp hạng tín nhiệm của các tổ chức uy tín, mức hấp dẫn của lợi tức và khả năng thanh khoản của công cụ nợ đó
- 6.3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu
Lựa chọn các cổ phiếu có nền tảng tốt, tỷ suất cổ tức phù hợp hoặc có tiềm năng tăng trưởng kèm với mức định giá hấp dẫn được xem xét cụ thể trong bối cảnh nền kinh tế và triển vọng thị trường.
- 6.4. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu
Lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức phát hành có nền tảng tình hình tài chính tốt, dòng tiền ổn định và khả năng thanh toán nghĩa vụ nợ cao đồng thời tổ chức phát hành đạt mức xếp hạng tín nhiệm đạt yêu cầu.
Lựa chọn trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được chính phủ bảo lãnh được xem xét trên cơ sở nhận định xu hướng lãi suất và tính thanh khoản của các kỳ hạn khác nhau.
- 6.5. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các tài sản đầu tư khác
Lựa chọn các tài sản đầu tư khác phù hợp với các quy định tại Điều Lệ Quỹ và quy định pháp

luật.

VII. CÁC RỦI RO KHI ĐẦU TƯ VÀO QUỸ

Giống như các hình thức đầu tư khác, việc đầu tư vào UVDIF cũng bao hàm những rủi ro. Nhà Đầu Tư cần nhận thức rõ những rủi ro này và hiểu được mức độ chấp nhận rủi ro của mình để cân nhắc thật kỹ trước khi đưa ra quyết định đầu tư vào Quỹ. Mặc dù Công Ty Quản Lý Quỹ đã áp dụng các phương pháp quản trị rủi ro, nhưng vẫn có các rủi ro tiềm tàng khi đầu tư vào Quỹ. Nhà Đầu Tư cần lưu ý những điểm quan trọng sau đây:

1. Việc đầu tư vào UVDIF sẽ không được cam kết bảo lãnh bởi bất kỳ tổ chức nào về việc Quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra. Nhà Đầu Tư có thể không thu được lợi nhuận hoặc đạt mức lợi nhuận thấp hơn dự kiến hoặc thấp hơn lợi nhuận của các hình thức đầu tư khác cùng thời điểm và cùng thời gian nắm giữ, hoặc có thể bị lỗ một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư ban đầu. UVDIF, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Điều Hành và nhân viên UOBAM (Việt Nam) không có bất cứ sự đảm bảo nào đối với vốn đầu tư ban đầu của Nhà Đầu Tư, cũng như mức lợi nhuận từ việc đầu tư của Quỹ.
2. UVDIF nhằm vào mục tiêu đầu tư tăng trưởng tài sản dài hạn cho Nhà Đầu Tư. Các Nhà Đầu Tư không nên kỳ vọng có được ngay sự tăng trưởng giá trị tài sản trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.
3. Tên gọi của UVDIF không hàm ý về chất lượng hoạt động cũng như triển vọng và lợi nhuận của Quỹ trong tương lai.
4. Kết quả hoạt động trong quá khứ của các danh mục quản lý đầu tư hay quỹ của UOBAM (Việt Nam) không hàm ý hay đảm bảo kết quả hoạt động của UVDIF.
5. UOBAM (Việt Nam) không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đầu tư của Quỹ và Hội đồng quản trị, Ban Điều Hành và nhân viên của UOBAM (Việt Nam) không có trách nhiệm pháp lý về các rủi ro hoạt động của UOBAM (Việt Nam) trong quá trình quản lý Quỹ này.
6. Quỹ hoạt động theo cơ chế quỹ mở nên Nhà Đầu Tư có thể linh hoạt sử dụng các công cụ thị trường để đưa ra các quyết định đầu tư hay bán lại Chứng Chỉ UVDIF. Nhà Đầu Tư trong quá trình mua/bán Chứng Chỉ Quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo quy định của pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà Đầu Tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của UVDIF.

Dưới đây là những rủi ro chủ yếu trong đầu tư chứng khoán, nhưng không phải toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi các giá trị tài sản đầu tư của Quỹ có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Loại rủi ro này dẫn tới sự suy giảm giá trị của toàn bộ thị trường. Rủi ro này trên diện rộng mang tính hệ thống và nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công Ty Quản Lý Quỹ. Tuy nhiên, có nhiều nhân tố góp phần tạo ra rủi ro thị trường, có thể giảm thiểu được bằng

cách xác định và quản trị cụ thể đến từng loại rủi ro cấu thành, ví dụ như các rủi ro về lạm phát, rủi ro về lãi suất, rủi ro về biến động giá thị trường, rủi ro về tỷ giá.

Đây là rủi ro mang tính hệ thống, nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty Quản lý Quỹ.

2. Rủi ro lạm phát

Rủi ro lạm phát là rủi ro mà giá trị các khoản đầu tư của Quỹ suy giảm do lạm phát. Rủi ro lạm phát có ảnh hưởng khác nhau đối với trái phiếu và cổ phiếu.

Giá trái phiếu thường tỷ lệ nghịch với lạm phát, do lạm phát tăng cao sẽ làm tăng lợi suất trái phiếu, dẫn đến giá trái phiếu thấp hơn. Ngoài ra, lạm phát tiếp tục cao sẽ làm giảm giá trị thực của mệnh giá và lãi trái phiếu nhận được hàng kỳ. Quỹ có thể giảm thiểu rủi ro lạm phát lên phần tài sản phân bổ vào trái phiếu bằng cách rút ngắn kỳ hạn trái phiếu hoặc nắm giữ nhiều hơn những trái phiếu có lãi suất thả nổi nếu lạm phát được dự kiến tăng cao; hoặc ngược lại.

Lạm phát có mức độ ảnh hưởng gián tiếp hơn đối với cổ phiếu vì doanh nghiệp có thể chuyển phần chi phí gia tăng do lạm phát sang cho người tiêu dùng. Tuy nhiên, nhìn chung trong môi trường lạm phát tăng, chi phí vay tăng do lãi suất huy động vốn thường cao nên doanh nghiệp giảm bớt đầu tư, khiến tăng trưởng và giá trị doanh nghiệp suy giảm.

Phương pháp quản trị rủi ro: Quỹ có thể giảm thiểu rủi ro lạm phát lên phần tài sản phân bổ vào cổ phiếu khi đầu tư vào các doanh nghiệp có yếu tố cạnh tranh bền vững, trong đó bao gồm khả năng doanh nghiệp có thể chuyển phần lớn lạm phát sang cho Khách Hàng, người tiêu dùng.

3. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quỹ đầu tư sẽ biến động theo do những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi về cung/cầu tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng trực tiếp tới trái phiếu và gián tiếp tới cổ phiếu.

Lãi suất tăng sẽ làm giá trái phiếu giảm trên thị trường thứ cấp để lợi suất thực tế của trái phiếu tăng bằng với lãi suất thị trường. Lãi suất tăng tác động trực tiếp tới nhu cầu vay và cấu trúc nợ của mỗi doanh nghiệp, khả năng tăng Giá Bán của công ty để bù đắp chi phí tài chính tăng lên, vào kỳ vọng lạm phát; những yếu tố này gián tiếp ảnh hưởng tới giá cổ phiếu.

Phương pháp quản trị rủi ro: Công Ty Quản lý Quỹ thường xuyên phân tích, đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng vận động của thị trường và kỳ vọng lãi suất trong từng giai đoạn để có các quyết định phân bổ tài sản phù hợp. Công Ty Quản lý Quỹ sẽ phân tích báo cáo tài chính của các công ty nằm trong danh mục đầu tư hoặc có tiềm năng đầu tư để đánh giá về dòng tiền kinh doanh trong tương lai, khả năng trả nợ và các rủi ro mất thanh khoản đi kèm, từ đó sẽ có các quyết định đầu tư hay thoái vốn tương ứng để bảo toàn giá trị vốn gốc của danh mục đầu tư.

4. Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị của khoản đầu tư của Quỹ và các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi sự biến động tỷ giá. Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ gặp rủi ro tỷ giá khi mà các công ty mà Quỹ

đang đầu tư có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu và có tài sản hoặc nợ phải trả bằng ngoại tệ.

Ở khía cạnh khác, Quý sẽ không bảo vệ và chịu trách nhiệm cho rủi ro tỷ giá đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài mua Chứng Chỉ UVDIF bằng đơn vị tiền tệ sử dụng duy nhất của Quý là đồng Việt Nam. Các Nhà Đầu Tư nước ngoài vì vậy sẽ phải tự tìm kiếm các công cụ để tự phòng ngừa rủi ro này.

Phương pháp quản trị rủi ro: Các khoản đầu tư có rủi ro tỷ giá sẽ được Quý giám sát thông qua việc phân tích kỹ lưỡng các nguồn doanh thu & các khoản công nợ của các công ty đó.

5. Rủi ro biến động giá thị trường

Rủi ro biến động giá thị trường là rủi ro giá trị của các công cụ tài chính sụt giảm khi các chỉ số thị trường thay đổi và giá trị của từng loại chứng khoán thay đổi. Giá thị trường sụt giảm sẽ làm giảm giá trị của các khoản đầu tư của Quý.

Phương pháp quản trị rủi ro: Quý đầu tư vào cổ phiếu của các công ty có chỉ số cơ bản tốt nên sẽ thường có mức biến động thấp hơn so với thị trường. Ngoài ra, Quý cũng hướng tới việc tạo lập, tích lũy và gia tăng các biên độ an toàn về giá vốn đầu tư qua thời gian dài nắm giữ danh mục để làm giảm ảnh hưởng và phụ thuộc vào các biến động nhất thời của giá cổ phiếu trong ngắn hạn.

6. Rủi ro pháp lý

Thị trường chứng khoán cũng như hệ thống khung pháp lý liên quan của Việt Nam vẫn còn tương đối non trẻ. Sẽ tồn tại những rủi ro về pháp lý khi Chính Phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và TTCK. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quý hoặc giá trị tài sản của Quý trong tương lai.

Phương pháp quản trị rủi ro: Công Ty Quản Lý Quý sẽ đánh giá mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này đối với Quý và các công ty trong danh mục đầu tư của Quý sẽ đề thay đổi cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp.

7. Rủi ro về chiến lược đầu tư

Rủi ro phát sinh trực tiếp từ chiến lược đầu tư của Quý khi lựa chọn cách tiếp cận đầu tư giá trị: giá của cổ phiếu giá trị có thể sẽ không tăng như kỳ vọng của Quý và của Nhà Đầu Tư vào Chứng Chỉ UVDIF nếu trên thị trường các Nhà Đầu Tư khác không nhận ra được giá trị của các công ty này, hay các yếu tố cơ bản mà Quý kỳ vọng cũng không giúp giá cổ phiếu tăng về được giá trị thực mà Quý đánh giá.

Phương pháp quản trị rủi ro: Quý xác định sẽ duy trì một danh mục đầu tư đa dạng bao gồm cổ phiếu các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững trong các ngành nghề khác nhau. Ngoài ra, Quý cũng đa dạng hóa một cách thích hợp vào nhiều cổ phiếu có quy mô vốn hóa thị trường khác nhau. Tuy nhiên, khả năng quản trị rủi ro của Quý cũng có thể bị hạn chế bởi số lượng cổ phiếu có thể đầu tư được tại một thời điểm.

8. Rủi ro hạn chế đầu tư

Do tính chất của Quỹ mở chỉ cho phép đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch và các cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, sự chậm trễ trong tiến độ cổ phần hóa và niêm yết, đăng ký giao dịch cổ phiếu của các doanh nghiệp tốt sẽ làm giảm tính đa dạng và đại diện, hạn chế cơ hội tiếp cận và đầu tư được của Quỹ vào các doanh nghiệp tốt nhất trên mọi ngành nghề và mức vốn hóa.

Đối với thị trường trái phiếu của Việt Nam thì hiện tại còn khá hạn chế cả về số lượng, đối tượng phát hành, thể loại ngành, tần suất phát hành mới cũng như tính đa dạng của các kỳ hạn và chủng loại sản phẩm. Do đó Công Ty Quản Lý Quỹ có thể gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các cơ hội giải ngân theo chiến lược phân bổ tài sản đã lựa chọn hoặc khó khăn trong việc đa dạng hóa danh mục đầu tư.

9. Rủi ro lãi suất định giá

Đây là rủi ro khi lãi suất định giá khác với lãi suất thực tế khiến cho giá trị của tài sản được mua/bán khác với giá trị sổ sách. Lãi suất chiết khấu được dùng để định giá căn cứ trên lãi suất niêm yết trên HNX/ VBMA/ Bloomberg/ Reuters; đây là lãi suất tham khảo, tùy từng thời điểm và chất lượng của thông tin đầu vào, lãi suất này có thể không sát với lãi suất thực tế giao dịch.

10. Rủi ro thanh toán

Đây là rủi ro khi Quỹ giao dịch với một đối tác mà đối tác này không thanh toán tiền mua chứng khoán hoặc chuyển nhượng chứng khoán cho Quỹ sau khi Quỹ đã thanh toán tiền mua.

Đối với cổ phiếu, rủi ro này thường chỉ liên quan đến những giao dịch chuyển nhượng chứng khoán của các công ty chưa niêm yết. Tuy nhiên, Quỹ mở sẽ chỉ giao dịch các cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch và các cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng; ngoài ra, giao dịch mua bán được tiến hành qua hệ thống giao dịch của các sở giao dịch hoặc qua các công ty chứng khoán có hệ thống lưu ký, giám sát theo quy định của pháp luật, để đảm bảo các số dư chứng khoán và số dư tiền của các bên liên quan đảm bảo đủ và đúng luật.

11. Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Quỹ không thể thanh lý đủ tài sản để thanh toán cho các lệnh bán của Nhà Đầu Tư trong một ngày giao dịch cụ thể hoặc trong một khoảng thời gian do tính thanh khoản của thị trường thấp; hay các lệnh bán/lệnh chuyển đổi chỉ được thực hiện một phần do NAV của Quỹ giảm thấp hơn ngưỡng pháp luật quy định, hay do tổng giá trị các lệnh bán/lệnh chuyển đổi vượt quá mức rút vốn tối đa theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, trong một số trường hợp bất khả kháng, Nhà Đầu Tư có thể không được thực hiện lệnh bán Chứng Chỉ UVDIF trong thời gian Chứng Chỉ Quỹ được thông báo tạm ngừng giao dịch.

Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán hoặc kéo dài thời hạn thanh toán trong các trường hợp được quy định trong cơ chế giao dịch Chứng Chỉ Quỹ tại Bản Cáo Bạch này. Khi việc thực hiện giao dịch bán Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư bị kéo dài hơn so với quy định do các lý do trên, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ công bố thông tin về lý do và thời gian dự kiến để thực

PHẦN 4
CƠ
CẤU PHÁP
QUY U
MAN/
(VIỆ
T.

hiện bán cho Nhà Đầu Tư.

Phương pháp quản trị rủi ro: Quỹ luôn duy trì một mức độ thanh khoản phù hợp bằng cách giữ một phần trạng thái tiền tệ và tỷ lệ thích hợp ở các tài sản có tính thanh khoản cao nhất để đảm bảo rằng với các lệnh bán có thể tiên lượng được một cách hợp lý; việc thanh toán trong đa phần trường hợp sẽ được thực hiện đúng hạn và không bị ảnh hưởng bởi những cổ phiếu kém thanh khoản nhất thời.

12. Rủi ro xung đột lợi ích

Công Ty Quản Lý Quỹ có thể sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do Công Ty Quản Lý Quỹ điều hành.

Phương pháp quản trị rủi ro: Công Ty Quản Lý Quỹ kiểm soát rủi ro này bằng cách thiết lập các quy trình nội bộ chặt chẽ, quy trình giao dịch và phân bổ đầu tư chặt chẽ nhằm hạn chế đến mức thấp rủi ro xung đột lợi ích này.

13. Rủi ro bất khả kháng

Đây là các rủi ro khi các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, có thể ảnh hưởng lớn và đột ngột lên giá trị của tất cả hoặc một số tài sản của Quỹ, có thể bao gồm những sự kiện như:

- Thảm họa thiên nhiên (động đất, lũ lụt), hỏa hoạn, thảm họa hạt nhân;
- Môi trường kinh doanh như khủng hoảng tài chính, hệ thống ngân hàng, hoặc các lãnh đạo chủ chốt doanh nghiệp mất khả năng điều hành;
- Khủng hoảng, trục trặc hệ thống thông tin, máy tính.

Phương pháp quản trị rủi ro: Đây là những rủi ro có mức độ ảnh hưởng lớn và mang tính tiêu cực đến giá trị của danh mục đầu tư. Tuy nhiên, do khả năng xảy ra không thể đo lường và dự báo trước được, nên khả năng quản trị rủi ro tập trung ở việc đa dạng hóa danh mục đầu tư giữa các ngành nghề, vị trí địa lý, thị trường tiêu thụ, v.v..

VIII. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG (IPO)

1. Căn cứ pháp lý

Việc thành lập và hoạt động của QUỸ ĐẦU TƯ UNITED THU NHẬP NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- 1.1 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp.
- 1.2 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- 1.3 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi

hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

- 1.4 Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- 1.5 Thông tư 101/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
- 1.6 Thông tư 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
- 1.7 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- 1.8 Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- 1.9 Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- 1.10 Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2021;
- 1.11 Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2021;
- 1.12 Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.
- 1.13 Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. Một số thông tin chính trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng (IPO)

Tên Quỹ	QUỸ ĐẦU TƯ UNITED THU NHẬP NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM
Tên viết tắt	UVDIF
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Nhà Đầu Tư của Quỹ	Là nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài
Thời hạn hoạt động	Không giới hạn

Vốn Điều Lệ huy động trong đợt IPO	71.238.911.589 VNĐ (Bằng chữ: Bảy mươi một tỷ hai trăm ba mươi tám triệu chín trăm mười một ngàn năm trăm tám mươi chín đồng Việt Nam)
Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành trong đợt IPO	7.123.891,15 (Bảy triệu một trăm hai mươi ba nghìn tám trăm chín mươi mốt phẩy mười lăm) chứng chỉ quỹ
Đơn vị tiền tệ	VNĐ
Mệnh giá	10.000 VNĐ/ chứng chỉ quỹ (Bằng chữ: Mười ngàn đồng Việt Nam)
Giá Dịch Vụ Phát Hành	Không
Giá Phát Hành	10.000 VNĐ/ chứng chỉ quỹ
Số tiền đăng ký mua lần đầu tối thiểu	1.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một triệu đồng Việt Nam)
Thời gian phát hành	Từ ngày 21/05/2024 đến ngày 19/06/2024

(a) Quỹ không tổ chức Đại hội Nhà Đầu Tư lần đầu tiên, khi nộp hồ sơ đăng ký mua Chứng Chỉ UVDIF trong đợt IPO, Nhà Đầu Tư đã được xin ý kiến về một số vấn đề của Quỹ. Cụ thể, Quỹ đã thực hiện xin ý kiến Nhà Đầu Tư một số nội dung sau:

- Thông qua Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt của Quỹ
- Thông qua việc chỉ định Công ty cổ phần quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam) là Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) là ngân hàng giám sát của Quỹ.
- Thông qua danh sách thành viên Ban Đại Diện Quỹ, nhiệm kỳ của Ban Đại Diện Quỹ
- Bổ nhiệm Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ
- Thông qua mức thù lao cho các thành viên Ban Đại Diện Quỹ và các chi phí hoạt động khác của Ban Đại Diện Quỹ;
- Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ được lựa chọn Công Ty Kiểm Toán cho Quỹ giai đoạn từ khi thành lập quỹ đến khi tổ chức Đại hội Nhà Đầu Tư lần đầu tiên;
- Thông qua và ủy quyền cho Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký và giám sát và Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam), và ký Hợp đồng đại lý chuyển nhượng với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Kết quả xin ý kiến đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

IX. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Các quy định chung

(a) Ngày Giao Dịch:

- Nhà Đầu Tư có thể thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ UVDIF với tần suất 02 lần trong tuần kể từ Ngày Giao Dịch đầu tiên của Quỹ.
- Ngày Giao Dịch: Chứng Chỉ Quỹ UVDIF được giao dịch vào ngày Thứ Ba và Thứ Năm hàng

tuần (ngày T).

- Trong trường hợp Ngày Giao Dịch rơi vào ngày nghỉ lễ, nghỉ bù theo quy định pháp luật thì giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quý. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo chi tiết về Ngày Giao Dịch trong trường hợp nghỉ lễ, nghỉ bù trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

(b) Phương thức giao dịch

- Nhà Đầu Tư lần đầu tiên giao dịch Chứng Chỉ Quỹ UVDIF phải thực hiện mở Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở và cung cấp các tài liệu và thông tin nhận biết Nhà Đầu Tư và phòng chống rửa tiền (AML) theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối.
- Nhà Đầu Tư đặt lệnh giao dịch Chứng Chỉ Quỹ tại các Điểm Nhận Lệnh của Đại Lý Phân Phối. Nhà Đầu Tư có thể đặt lệnh tại hơn một Đại Lý Phân Phối, tuy nhiên cần mở tài khoản giao dịch tại mỗi Đại Lý Phân Phối mà Nhà Đầu Tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản của Nhà Đầu Tư tại các Đại Lý Phân Phối khác nhau được quản lý độc lập. Nhà Đầu Tư có thể nộp các phiếu lệnh giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho tài khoản mở tại một Đại Lý Phân Phối tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào của Đại Lý Phân Phối đó.
- Nhà Đầu Tư có thể ủy quyền cho cá nhân khác thực hiện đặt các lệnh giao dịch mua/bán/chuyển đổi/hủy giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Nhà đầu tư phải điền thông tin người được ủy quyền vào Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở. Thông tin người được ủy quyền sẽ không được thay đổi cho đến khi Nhà Đầu Tư đăng ký lại người được ủy quyền tại Đại Lý Phân Phối.

(c) Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh

- Là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
- Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh là 14h45 ngày làm việc gần nhất trước Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ (14h45 ngày T-1).
- Các lệnh giao dịch đầy đủ và hợp lệ nhận trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được Đại Lý Phân Phối chuyển sang Đại Lý Chuyển Nhượng trước thời điểm đóng hệ thống của Ngày làm việc gần nhất trước Ngày Giao Dịch (ngày T-1). Các lệnh giao dịch sẽ được xử lý căn cứ vào ngày và giờ nhận được hồ sơ tại Điểm Nhận Lệnh. Với những lệnh giao dịch hợp lệ nộp cho Đại Lý Phân Phối trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh và được nhận bởi Đại Lý Chuyển Nhượng, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ của Ngày Giao Dịch T sẽ được áp dụng cho lệnh giao dịch đó.
- Các lệnh giao dịch nhận sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được thực hiện tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ kế tiếp.

(d) Giá giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

- Giá Phát Hành là mức giá mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ để mua

Chứng Chỉ Quỹ.

- Giá Mua Lại là mức giá Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư để mua lại Chứng Chỉ Quỹ từ Nhà Đầu Tư.
- Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Mua Lại và Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi Chứng Chỉ Quỹ được quy định cụ thể trong Khoản 1 Chương XI trong Bản Cáo Bạch này.

(e) Thời hạn xác nhận giao dịch

- Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo, Đại Lý Chuyển Nhượng được ủy quyền sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu Tư vào sổ đăng ký người sở hữu Chứng Chỉ Quỹ, sau đó Đại Lý Phân Phối sẽ gửi xác nhận giao dịch cho Nhà Đầu Tư dưới hình thức chứng từ điện tử qua hộp thư điện tử hoặc gửi bưu điện đến địa chỉ đã đăng ký của Nhà Đầu Tư.

(f) Thời hạn thanh toán tiền bán Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư

- Tiền bán Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thanh toán trực tiếp từ tài khoản của Quỹ sang tài khoản tiền của Nhà Đầu Tư đã đăng ký trong hồ sơ mở tài khoản giao dịch trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ (Thời hạn cụ thể sẽ được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ theo từng thời điểm). Tiền bán của Nhà Đầu Tư sẽ được làm tròn theo nguyên tắc kế toán Việt Nam.
- Trong trường hợp Nhà Đầu Tư cung cấp sai thông tin tài khoản thụ hưởng thì Nhà đầu tư sẽ chịu các khoản phí chuyển tiền phát sinh thêm có liên quan (nếu có).

(g) Sửa/hủy lệnh giao dịch

- Lệnh giao dịch Chứng Chỉ Quỹ chỉ được sửa/hủy trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh. Nhà Đầu Tư thực hiện sửa/hủy lệnh tại Đại Lý Phân Phối mà Nhà Đầu Tư đã đăng ký giao dịch và phải nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa/hủy lệnh cho Đại Lý Phân Phối trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.
- Trong trường hợp Nhà Đầu Tư sửa lệnh thành công sau khi đã thực hiện chuyển tiền mua Chứng Chỉ Quỹ vào tài khoản của Quỹ dẫn đến số tiền đặt mua đã chuyển vào tài khoản của Quỹ chênh lệch so với số tiền ghi trên phiếu lệnh, thì lệnh giao dịch sẽ được khớp theo số tiền thực tế chuyển vào tài khoản của Quỹ.
- Trong trường hợp Nhà Đầu Tư hủy lệnh thành công sau khi đã thực hiện chuyển tiền mua Chứng Chỉ Quỹ vào tài khoản của Quỹ, số tiền này sẽ được hoàn trả vào tài khoản của Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào khoản tiền hoàn trả này.

(h) Đóng tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

- Khi tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư có số dư bằng không (0) và không có phát sinh bất kỳ giao dịch nào trong vòng 2 năm, tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của NĐT sẽ bị hủy. Khi có nhu cầu giao dịch trở lại, Nhà Đầu Tư mở mới tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ tại Đại Lý Phân Phối.

- Trong trường hợp Nhà đầu tư có nhu cầu đóng tài khoản, Nhà đầu tư gửi yêu cầu đóng tài khoản đến Đại Lý Phân Phối nơi mở tài khoản.

2. Giao dịch mua Chứng Chỉ Quỹ

- Nhà Đầu Tư muốn đặt mua chứng chỉ quỹ UVDIF cần gửi phiếu lệnh mua đã điền đầy đủ thông tin tới Đại Lý Phân Phối nơi mở tài khoản cùng với tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà Đầu Tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát. Việc xác nhận hoàn tất việc thanh toán được thực hiện bằng văn bản, thư điện tử hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận.
- Nhà đầu tư hoặc Người được Nhà đầu tư ủy quyền thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát bằng tiền Đồng Việt Nam. Phí chuyển tiền mua chứng chỉ quỹ do Nhà Đầu Tư thanh toán. Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư, phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiểu khoản giao dịch hoặc số Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của nhà đầu tư.
- Lệnh mua phải được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam. Giá trị mua tối thiểu cho các lần giao dịch là 2.000.000 (Hai triệu) đồng.
- Trong trường hợp tổng số tiền thanh toán lệnh mua ít hơn hoặc nhiều hơn số tiền đăng ký ghi trong Lệnh mua và không thấp hơn giá trị mua tối thiểu, thì số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối sẽ căn cứ vào tổng số tiền thực tế đã được thanh toán.
- Số lượng Đơn Vị Quỹ (ĐVQ) được phân phối được tính theo công thức sau:

$$\text{Số lượng ĐVQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} \times (1 - \text{Giá dịch vụ phát hành} (\%))}{\text{NAV một Đơn Vị Quỹ tại Ngày giao dịch}}$$

Số lượng Đơn Vị Quỹ được phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy. Số Đơn Vị Quỹ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư.

- Lệnh mua có thể bị tạm dừng giao dịch trong một số trường hợp được quy định tại Mục 6 Chương IX của Bản cáo bạch

❖ TRƯỜNG HỢP GIAO DỊCH MUA KHÔNG HỢP LỆ TẠI NGÀY GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

- Các lệnh chuyển tiền mua chứng chỉ quỹ không được ghi Có vào tài khoản của Quỹ tại ngày làm việc gần nhất trước Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ (ngày T-1), thì các lệnh giao dịch này sẽ được chuyển sang Ngày Giao Dịch tiếp theo.
- Đối với trường hợp Nhà Đầu Tư chuyển số tiền mua thấp hơn Giá trị mua tối thiểu theo quy định hoặc đối với các lệnh chuyển tiền không hợp lệ khác, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chỉ thị

Ngân Hàng Giám Sát hoàn trả lại số tiền mua của Nhà Đầu Tư đã thanh toán vào tài khoản Quỹ dựa trên thông tin tài khoản ngân hàng mà Nhà Đầu Tư đã đăng ký với Đại Lý Phân Phối. Thời hạn trả tiền lại cho nhà đầu tư được thực hiện trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ có đủ chứng từ cần thiết của Nhà Đầu Tư để thực hiện việc hoàn trả. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào khoản tiền hoàn trả này. Công ty Quản lý Quỹ chỉ tiến hành hoàn trả số tiền đã chuyển mua chứng chỉ quỹ khi số tiền cao hơn mức phí chuyển tiền hiện hành theo quy định hiện hành của Ngân Hàng Lưu ký Giám Sát .

3. Giao dịch bán Chứng Chỉ Quỹ

- Nhà Đầu Tư đặt bán bằng số lượng Đơn Vị Quỹ muốn bán. Lệnh bán chỉ được thực hiện khi Nhà Đầu Tư có đủ số lượng Đơn Vị Quỹ bán.
- Số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu 1 lần giao dịch bán: 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ. Trường hợp số dư tài khoản chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư dưới 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ thì Nhà Đầu Tư được đặt lệnh bán hết số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trong tài khoản. Số lượng Đơn Vị Quỹ đặt bán có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- Số tiền bán Chứng Chỉ Quỹ Nhà Đầu Tư nhận được được tính theo công thức sau:
Giá trị tiền bán được nhận = Số lượng CCQ được mua lại x NAV một Đơn Vị Quỹ tại Ngày Giao Dịch x (1-Giá dịch vụ mua lại (%)) – Thuế (nếu có)
Số tiền Nhà Đầu Tư nhận được sẽ bằng Giá Trị Bán trừ đi phí ngân hàng và các khoản thuế theo quy định của pháp luật (nếu có).
- Trong trường hợp số lượng đăng ký bán dẫn tới số lượng Đơn Vị Quỹ còn lại trong tài khoản nhỏ hơn số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu là 100 Đơn Vị Quỹ để duy trì tài khoản, thì số lượng Đơn Vị Quỹ còn lại sẽ được tự động bán hết tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ này.
- Lệnh bán có thể không thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại mục 5, 6 Thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ Chương này.

❖ TRƯỜNG HỢP BÁN KHÔNG HỢP LỆ TẠI NGÀY GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

- Số lượng Chứng Chỉ Quỹ đặt bán thấp hơn số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu 1 lần giao dịch bán.
 - Số lượng Chứng Chỉ Quỹ đặt bán nhiều hơn số lượng Đơn Vị Quỹ đang sở hữu.
- Các trường hợp lệnh bán không hợp lệ sẽ được hủy, Khách Hàng có nhu cầu bán Chứng Chỉ Quỹ sẽ phải đặt lại lệnh bán.

4. Giao dịch chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ

- Nhà Đầu Tư có thể thực hiện chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ giữa các quỹ mở do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
- Lệnh chuyển đổi phải được điền đầy đủ thông tin và chuyển tới Đại Lý Phân Phối trước Thời Điểm Đóng Sở Lệnh.
- Nhà Đầu Tư có thể đăng ký chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng đơn vị quỹ sở hữu.

Số lượng đơn vị quỹ đăng ký chuyển đổi tối thiểu là một nghìn (1000) Đơn Vị Quỹ. Trong trường hợp số lượng Đơn Vị Quỹ còn lại sau khi chuyển đổi thấp hơn 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ để duy trì tài khoản thì số lượng Đơn Vị Quỹ còn lại sẽ được tự động chuyển đổi sang Đơn Vị Quỹ của quỹ mục tiêu.

- Nguyên tắc thực hiện lệnh chuyển đổi: Lệnh bán để chuyển đổi đối với Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ chuyển đổi được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua Chứng Chỉ Quỹ của quỹ mục tiêu. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ quỹ của các quỹ tương ứng.
- Nhà Đầu Tư thanh toán Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi mà không phải thanh toán Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại trên số lượng Chứng Chỉ Quỹ đăng ký chuyển đổi. Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi được quy định tại mục 1 Chương XI Các loại giá dịch vụ và chi phí dưới đây.
- Nhà Đầu Tư sẽ nhận được xác nhận giao dịch của lệnh chuyển đổi trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của quỹ mục tiêu.
- Lệnh chuyển đổi có thể chỉ được thực hiện một phần hoặc tạm dừng như quy định tại mục 5, mục 6 dưới đây.

❖ TRƯỜNG HỢP LỆNH CHUYỂN ĐỔI KHÔNG HỢP LỆ TẠI NGÀY GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

- Số lượng Chứng Chỉ Quỹ đăng ký chuyển đổi nhiều hơn số lượng Chứng Chỉ Quỹ đang sở hữu hoặc ít hơn số lượng đơn vị quỹ chuyển đổi tối thiểu. Các lệnh chuyển đổi không hợp lệ sẽ được hủy, Nhà Đầu Tư có nhu cầu chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ sẽ phải đặt lại phiếu lệnh.

5. Thực hiện một phần lệnh giao dịch

- (a) Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư một trong các trường hợp sau:
- (i) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ; hoặc
 - (ii) Việc thực hiện toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư dẫn tới Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư cho đến khi Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ bằng đúng năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc
 - (iii) Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư không thể thực hiện được do thanh khoản của thị trường thấp.
- (b) Đối với trường hợp quy định tại điểm (i) khoản (a) Điều này, công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban đại diện Quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
- (c) Đối với việc thực hiện một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi theo quy định trên, Công Ty Quản Lý

Quỹ áp dụng theo nguyên tắc phân phối cùng một tỷ lệ, cụ thể như sau:

- (i) Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch, sao cho tổng giá trị các lệnh bán tại ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ không vi phạm các điều kiện đáp ứng việc mua lại một phần lệnh bán của Nhà Đầu Tư theo quy định tại điểm a nêu trên.
- (ii) Số lượng Chứng Chỉ Quỹ được mua lại trong trường hợp này được tính theo công thức sau:

$$Xi = SLDKi * \frac{\sum GTPB}{\sum GTGD}$$

Trong đó:

Xi: số lượng Chứng Chỉ Quỹ thực tế của Nhà Đầu Tư i được thực hiện (hay số lượng Chứng Chỉ Quỹ khớp lệnh bán/chuyển đổi). Kết quả được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

SLDKi: số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư i đăng ký bán/chuyển đổi

GTPB: tổng giá trị phân bổ mà Công Ty Quản Lý Quỹ có thể đáp ứng cho lệnh bán/chuyển đổi của Nhà Đầu Tư tại kỳ giao dịch.

GTGD: tổng giá trị giao dịch mà Nhà Đầu Tư đăng ký bán/chuyển đổi trong kỳ.

- (iii) Phần còn lại của các lệnh bán, lệnh chuyển đổi chưa được thực hiện hết sẽ được hủy tự động. Trong trường hợp Nhà Đầu Tư muốn tiếp tục thực hiện lệnh bán, lệnh chuyển đổi cho phần còn lại, Nhà Đầu Tư cần gửi phiếu lệnh mới tới Đại Lý Phân Phối trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh của Ngày Giao Dịch tiếp theo.
- (iv) Trường hợp lệnh bán, lệnh chuyển đổi chỉ được thực hiện một phần, quy định về số dư Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu trên tài khoản sẽ không áp dụng cho ngày giao dịch đó. Nếu việc thực hiện một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi dẫn đến số dư trong tài khoản chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư thấp hơn số dư tối thiểu duy trì tài khoản theo quy định tại Bản Cáo Bạch thì Nhà đầu tư cần thực hiện lệnh bán, lệnh chuyển đổi toàn bộ số dư hoặc đăng ký mua thêm chứng chỉ quỹ vào Ngày giao dịch tiếp theo để duy trì số dư tài khoản tối thiểu theo quy định tại Bản Cáo Bạch này.

6. Tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

- (a) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện việc giao dịch Chứng Chỉ Quỹ do nguyên nhân bất khả kháng; hoặc
- (b) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ vào Ngày Định Giá do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán; hoặc
- (c) Các sự kiện khác mà Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước xét thấy là cần thiết.

Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại Diện Quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn hai bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện nêu trên trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy

ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ sẽ do Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo cho Nhà Đầu Tư tùy vào tình hình thực tế nhưng không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

7. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế ...)

- (a) Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại cho một tổ chức/cá nhân khác được thực hiện tại Đại Lý Phân Phối.
- (b) Nhà Đầu Tư điền đầy đủ các thông tin vào Giấy đăng ký và cung cấp đầy đủ các văn bản, hồ sơ cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật cho Đại Lý Phân Phối trước Thời Điểm Đóng Sở Lệnh của mỗi kỳ giao dịch.
- (c) Nhà Đầu Tư có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan (nếu có) đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

8. Chương trình đầu tư định kỳ (SIP)

SIP là chương trình đầu tư định kỳ có hệ thống giúp Nhà Đầu Tư mua chứng chỉ quỹ với một khoản tiền một cách thường xuyên định kỳ hàng tháng mà chỉ cần đặt lệnh một lần.

8.1. Cách thức giao dịch:

Để tham gia chương trình, Nhà Đầu Tư đăng ký thông tin vào Thỏa Thuận Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ Chứng Chỉ Quỹ Mở và nộp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp chưa có tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở, Nhà Đầu Tư thực hiện mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở trước khi thực hiện đặt lệnh mua SIP.

Nhà Đầu Tư hoặc Người được ủy quyền có thể thực hiện thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ định kỳ hàng tháng vào bất kỳ ngày nào trong tháng dưới hình thức chuyển khoản bằng đồng Việt Nam theo cú pháp hướng dẫn vào số tài khoản chương trình đầu tư định kỳ của Quỹ được công bố trong Bản Cáo Bạch hoặc trên cổng thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Lệnh mua sẽ được khớp lệnh vào Ngày Giao Dịch gần nhất ngay sau khi Quỹ nhận được tiền mua chứng chỉ quỹ.

Sau kỳ giao dịch đầu tiên, hệ thống Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ tự sinh một (01) lệnh mua cho mỗi tháng tiếp theo, Nhà Đầu Tư chỉ cần chuyển khoản đầu tư định kỳ vào tài khoản của Quỹ cho các tháng tiếp theo.

Trong trường hợp Nhà Đầu Tư chuyển tiền nhiều lần trong tháng thì tiền mua chương trình SIP từ kỳ giao dịch thứ hai trong tháng sẽ được cộng dồn và giữ lại để khớp cho Ngày Giao Dịch đầu tiên của

tháng tiếp theo hoặc hoàn trả lại theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư. Phí chuyển tiền sẽ do Nhà Đầu Tư chịu.

Đối với các lệnh bán, Nhà Đầu Tư thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương IX Bản Cáo Bạch này.

8.2 Mức đầu tư tối thiểu định kỳ hàng tháng:

Mức đầu tư tối thiểu định kỳ hàng tháng là 1.000.000 VNĐ (Một triệu đồng Việt Nam). Trong trường hợp Nhà Đầu Tư chuyển số tiền thấp hơn mức đầu tư tối thiểu thì số tiền này sẽ được hoàn trả lại Nhà Đầu Tư theo quy định, phí chuyển tiền do Nhà Đầu Tư chi trả. Trường hợp Nhà Đầu Tư chuyển số tiền cao hơn số tiền đầu tư đăng ký thì lệnh mua sẽ được khớp theo số tiền Nhà Đầu Tư chuyển vào.

8.3 Chấm dứt chương trình SIP và Giá Dịch Vụ Mua Lại

Chương trình SIP sẽ được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a) Nhà Đầu Tư thực hiện yêu cầu hủy Chương trình SIP tại Đại Lý Phân Phối.
- b) Nhà Đầu Tư không thực hiện giao dịch mua thành công trong hai tháng liên tiếp.
- c) Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch bán toàn bộ số lượng Đơn Vị Quỹ trong tài khoản và không thực hiện giao dịch mua thành công trong tháng tiếp theo.

Trường hợp nhà đầu tư muốn tiếp tục đầu tư SIP, nhà đầu tư cần thực hiện đăng ký mua lại chương trình SIP tại Đại Lý Phân Phối.

Giá Dịch Vụ Mua Lại cho chương trình SIP được quy định tại Điểm c Mục 1 Chương XI Bản Cáo Bạch này.

9. Thông tin dành cho Nhà đầu tư liên quan đến Hoa Kỳ

UVDIF không được đăng ký theo phiên bản mới nhất của Đạo luật Chứng khoán Hoa Kỳ năm 1933 ("Đạo luật Chứng khoán"), Đạo luật Công ty Đầu tư Hoa Kỳ năm 1940 ("Đạo luật Công ty Đầu tư") hoặc các quy định về thị trường chứng khoán của các bang hoặc chính quyền địa phương của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ hoặc các vùng lãnh thổ thuộc quyền sở hữu hoặc dưới quyền tài phán của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, bao gồm cả Khối thịnh vượng chung Puerto Rico ("Hoa Kỳ").

UVDIF không đăng ký chào bán, giao dịch, chuyển nhượng trực tiếp hoặc gián tiếp đến Công dân Hoa Kỳ, như định nghĩa trong Đạo luật Chứng khoán, và "người được chỉ định ở Hoa Kỳ" như định nghĩa trong Đạo luật tuân thủ thuế tài khoản nước ngoài năm 2010 và những sửa đổi, bổ sung (nếu có) ("FATCA").

Nếu Nhà Đầu Tư cần thêm thông tin, vui lòng liên hệ với Công Ty Quản Lý Quỹ. Nhà Đầu Tư đăng ký mua Chứng Chỉ Quỹ phải xác nhận bằng văn bản rằng họ đáp ứng các yêu cầu của phần trên.

10. Một số lưu ý cho Nhà Đầu Tư nước ngoài

- (a) Trước khi mở tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, Nhà Đầu Tư nước ngoài phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định về hoạt động của Nhà Đầu Tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài Chính ban hành.
- (b) Nhà Đầu Tư là cá nhân và tổ chức nước ngoài mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam. Số tiền đăng ký mua chứng chỉ quỹ

phải được thực hiện chuyển khoản từ Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (Tài khoản IICA) của Nhà Đầu Tư mở tại một ngân hàng lưu ký được cấp phép vào tài khoản của Quỹ đối với việc đăng ký mua Chứng Chỉ Quỹ. Nhà Đầu Tư phải nộp giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở Tài Khoản IICA cho Đại Lý Phân Phối tại thời điểm đăng ký giao dịch Chứng Chỉ Quỹ mở. Nhà Đầu Tư nước ngoài tự chịu trách nhiệm nếu không tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

- (c) Người được ủy quyền là đại diện giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 138 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

X. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

1. Tần suất xác định giá trị tài sản ròng

Ngày Định Giá:

- Ngày Định Giá là Ngày Giao Dịch (Thứ Ba và Thứ Năm hàng tuần). Trong trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ lễ, nghỉ bù theo quy định pháp luật thì Ngày Định Giá là ngày Giao Dịch kế tiếp liền sau đó và Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan qua hộp thư điện tử đã đăng ký và công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- Đối với kỳ định giá hàng tháng, Giá Trị Tài Sản Ròng Của UVDIF được xác định vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (thời gian chốt số liệu của báo cáo tháng tính từ ngày đầu tiên của tháng đến ngày dương lịch cuối cùng của tháng báo cáo), và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.
- Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban Đại Diện Quỹ trước khi thực hiện.

2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

- Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ (NAV) sẽ được xác định vào Ngày Định Giá. NAV được xác định bằng tổng giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường) của các tài sản trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá, công thức như sau:

$$\text{NAV} = \text{Tổng tài sản của Quỹ} - \text{Tổng nợ phải trả của Quỹ}$$

- Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ được xác định bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ chia cho tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ là số lẻ ở dạng thập phân, được làm tròn xuống hàng đơn vị thứ hai sau dấu phẩy. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ được hạch toán vào Quỹ. Công thức như sau:

$$\text{Giá trị tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ (NAV/ĐVQ)} = \frac{\text{Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV)}}{\text{Tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành}}$$

- Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được ngân hàng

giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận.

- Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng.
- Kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.
- Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp với Điều Lệ Quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật.
- Phương pháp, nguyên tắc xác định giá trị các loại tài sản được quy định cụ thể trong Sổ tay định giá do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật và cũng được ghi rõ trong Phụ lục 5 của Bản Cáo Bạch này. Sổ tay định giá phải được Ban đại diện quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.

3. Công bố giá trị tài sản ròng

Trong ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định Giá, Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ sẽ được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

XI. CÁC LOẠI GIÁ DỊCH VỤ VÀ CHI PHÍ

1. Các loại giá dịch vụ do Nhà Đầu Tư trả

Các loại giá dịch vụ và chi phí liên quan trực tiếp đến việc giao dịch Chứng Chỉ Quỹ sẽ do Nhà Đầu Tư trả và không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ bảo lưu quyền thay đổi biểu giá dịch vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ.

a. Giá Dịch Vụ Phát Hành trong đợt IPO

- Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua một Đơn Vị Quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng (IPO). Giá dịch vụ này được thu khi phát hành lần đầu, cộng vào mệnh giá và tính theo tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá của một Đơn Vị Quỹ.
- Tỷ lệ Giá Dịch Vụ Phát Hành lần đầu của UVDIF tối đa là 5% trên tổng giá trị lệnh mua. Tỷ lệ giá dịch vụ cụ thể sẽ được nêu trong Thông báo chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng và công bố trên cổng thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

b. Giá Dịch Vụ Phát Hành trong các phiên giao dịch định kỳ

- Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua một Đơn Vị Quỹ tại các kỳ giao dịch sau khi UVDIF được thành lập. Giá Dịch Vụ này được thu khi phát hành và tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) Chứng Chỉ Quỹ.
- Tỷ lệ Giá Dịch Vụ Phát Hành được Công Ty Quản Lý Quỹ ấn định từng thời điểm và công bố trên cổng thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ nhưng không được vượt quá 5% (năm phần trăm) trên giá trị giao dịch của lệnh mua. Thời điểm áp dụng Tỷ lệ giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 60 ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các Tỷ lệ giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

c. Giá Dịch Vụ Mua Lại

- Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi bán lại cho Quỹ một Đơn Vị Quỹ tại các kỳ giao dịch sau khi UVDIF được thành lập. Giá dịch vụ này được khấu trừ khi thanh toán tiền bán Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện.
- Tỷ lệ Giá Dịch Vụ Mua Lại được áp dụng cho lệnh bán dựa theo thời gian nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ và được Công Ty Quản Lý Quỹ ấn định theo từng thời điểm và công bố trên trang thông tin điện tử, nhưng không vượt quá 3% (ba phần trăm) trên giá trị giao dịch của lệnh bán. Thời gian nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ được xác định theo nguyên tắc “mua trước bán trước”. Thời điểm áp dụng Tỷ lệ Giá Dịch Vụ Mua Lại mới tăng sớm nhất là 60 ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các Tỷ lệ Giá Dịch Vụ Mua Lại mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

d. Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi

- Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi đăng ký giao dịch chuyển đổi Chứng Chỉ UVDIF sang một quỹ mở khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý tại các kỳ giao dịch tiếp theo sau khi UVDIF được thành lập. Nhà Đầu Tư không phải trả Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại khi thực hiện chuyển đổi giữa các loại Chứng Chỉ Quỹ.
- Tỷ lệ Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi được Công Ty Quản Lý Quỹ ấn định theo từng thời điểm nhưng không vượt quá 3% (ba phần trăm) giá trị thực hiện chuyển đổi. Tỷ lệ Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi sẽ được công bố chi tiết trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ theo từng thời điểm. Thời điểm áp dụng Tỷ lệ giá dịch vụ mới sớm nhất là 60 ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các Tỷ lệ giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ.

2. Các loại giá dịch vụ do Quỹ trả

a. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ

- Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý UVDIF. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá Trị Tài Sản Ròng (NAV) tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ quản lý quỹ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- Tỷ lệ Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ là 1,5% năm. Tỷ lệ Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ có thể được thay đổi theo phê duyệt của Ban Đại Diện Quỹ trên cơ sở xem xét đề xuất của Công ty Quản lý quỹ nếu Ban Đại Diện Quỹ được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền theo quy định của Điều Lệ Quỹ và sẽ được công bố chi tiết trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ theo từng thời điểm nhưng trong mọi trường hợp, Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ như nêu tại đây, Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ và Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng như nêu tại điểm c và điểm d mục này sẽ tuân thủ các mức tối đa theo yêu cầu của pháp luật.

b. Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát

- Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát được trả cho Ngân Hàng Giám Sát để thực hiện dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ Lưu Ký, Giám Sát trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Tỷ lệ Giá Dịch Vụ Lưu Ký là 0,05%NAV/năm, tối thiểu 11.500.000 VNĐ/tháng
- Tỷ lệ Giá Dịch Vụ Giám Sát: 0,03%NAV/năm, tối thiểu 16.500.000 VNĐ/tháng
- Các tỷ lệ giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) và các loại giá dịch vụ khác được trả cho Ngân Hàng Lưu Ký và Giám Sát như giá dịch vụ giao dịch, giá dịch vụ sửa lệnh, v.v..
- Giá dịch vụ lưu ký và giám sát có thể thay đổi theo phê duyệt của Ban Đại Diện Quỹ trên cơ sở xem xét đề xuất của Công ty Quản lý quỹ và/hoặc Ngân Hàng Giám sát, nếu Ban Đại Diện Quỹ được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền theo quy định của Điều Lệ Quỹ. Trong trường hợp thay đổi, giá dịch vụ lưu ký và giám sát sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Tổng Giá Dịch Vụ Lưu Ký và Giám Sát tuân thủ theo quy định của pháp luật (nếu có).

c. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ

- Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ quản lý quỹ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Tỷ lệ Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ là 0,03%/năm trên NAV, tối thiểu 22.000.000 VNĐ/tháng. Ngân hàng sẽ áp dụng miễn phí đối với chi phí tối thiểu nêu trên trong vòng ba (3) tháng đầu tiên kể từ ngày Quỹ thành lập.
- Tỷ lệ Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)
- Tỷ lệ Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ có thể thay đổi theo phê duyệt của Ban Đại Diện Quỹ trên cơ sở xem xét đề xuất của Công ty Quản lý quỹ và/hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ, nếu Ban Đại Diện Quỹ được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền theo quy định của Điều Lệ Quỹ. Trong trường hợp thay đổi, Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

d. Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng

- Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được trả cho Tổ chức cung cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển

Nhượng cho Quỹ.

- Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng là 10.000.000 VNĐ/tháng.
- Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có).
- Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng có thể được thay đổi theo thỏa thuận giữa Công ty quản lý quỹ và Đại lý chuyển nhượng. Trong trường hợp thay đổi, Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

e. Các loại chi phí khác

Các chi phí khác mà Quỹ sẽ trả bao gồm:

- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- Thù lao trả cho Ban Đại Diện Quỹ;
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện;
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- Chi phí thẩm định giá trả cho các doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có);
- Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác;
- Giá dịch vụ môi giới, giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của quỹ phải trả cho công ty chứng khoán không bao gồm bất kỳ một loại giá dịch vụ nào khác, kể cả đó là giá dịch vụ trả cho dịch vụ khác hoặc giá dịch vụ trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm);
- Các chi phí hợp lệ khác mà Công Ty Quản Lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
- Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban Đại Diện Quỹ quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật;
- Phí, lệ phí nộp cơ quan quản lý khi xin Giấy phép chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu và Giấy phép thành lập quỹ và các phí, lệ phí hợp lệ khác (nếu có);
- Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Các chỉ tiêu hoạt động

Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ và tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối.

a. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ

- Tỷ lệ chi phí hoạt động được tính theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí của Quỹ trong kỳ} \times 100\%}{\text{Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong kỳ}}$$

Trong đó: Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong kỳ là Tổng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ tính tại các Ngày Định Giá chia cho số Ngày Định Giá trong kỳ.

- Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới 1 năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí của Quỹ X 365 x 100\%}}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo x Thời gian quỹ đã hoạt động}}$$

Trong đó: Thời gian quỹ đã hoạt động được tính theo ngày từ thời điểm cấp phép.

b. Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ

- Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ}}$$

- Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới 1 năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\% \times 365}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trong kỳ báo cáo x Thời gian quỹ đã hoạt động}}$$

Trong đó: Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm của quỹ là tổng giá trị tài sản ròng của quỹ tính tại các ngày định giá chia cho số ngày định giá chứng chỉ quỹ trong năm; Tổng giá trị mua vào và tổng giá trị bán ra trong kỳ là tổng giá trị mua/bán cho hoạt động đầu tư của quỹ.

4. Phương pháp tính thu nhập và Phân chia lợi nhuận của Quỹ

- Thu nhập của Quỹ bao gồm: Cổ tức, Lãi trái phiếu, lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ, các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản của Quỹ.
- Công Ty Quản Lý Quỹ được phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư theo quyết định chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
- Quỹ có thể phân phối lợi tức bằng tiền. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi tức, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo đến nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.
- Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, lệ phí, theo quy định của Pháp Luật trước khi phân chia cổ tức cho nhà đầu tư. Đối với khoản lợi tức bằng tiền của các Nhà Đầu Tư mà thấp hơn phí chuyển tiền hiện hành của Ngân hàng Lưu Ký Giám Sát thì khoản lợi tức này sẽ được hạch toán lại vào Lợi nhuận chưa phân phối giữ lại của Quỹ.
- Việc phân phối lợi tức phải đảm bảo nguyên tắc:
 - a. Lợi tức phân phối cho các Nhà Đầu Tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn thành mọi nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định pháp luật;
 - b. Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua;
 - c. Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo (i) có nguồn vốn đủ để thanh toán các khoản nợ,

nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và (ii) giá trị tài sản ròng của Quỹ không thấp hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng.

- Thông tin về việc phân phối lợi nhuận của Quỹ, phân chia tài sản của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại các Bản Cáo Bạch sửa đổi, bổ sung sau đó.
- Chỉ những Nhà Đầu Tư được ghi trong danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt quyền mới được nhận lợi tức quỹ.

5. Chính sách thuế

Nhà Đầu Tư trong quá trình mua/bán Chứng Chỉ Quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo quy định của Pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà Đầu Tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của UVDIF.

6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán nêu trong Bản Cáo Bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

Trước đợt phát hành lần đầu ra công chúng, Quỹ sẽ không có kết quả hoạt động trong quá khứ.

Thông tin về kết quả hoạt động của quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ cập nhật và công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử www.uobam.com.vn

7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ

Báo cáo hoạt động của Quỹ bao gồm:

- Báo cáo NAV: được công bố chậm nhất vào ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định Giá (Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ)
- Báo cáo hoạt động quỹ: được thực hiện định kỳ theo quy định của pháp luật

Các báo cáo này sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, và cung cấp cho Nhà Đầu Tư tại văn phòng Công Ty Quản Lý Quỹ và tại các Đại Lý Phân Phối chỉ định.

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

- Để hạn chế những xung đột lợi ích giữa UVDIF và các quỹ đầu tư khác của Công Ty Quản Lý Quỹ, giữa UVDIF và các danh mục đầu tư ủy thác, giữa UVDIF và Công Ty Quản Lý Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ:
 - Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư, danh mục đầu tư của mỗi Quỹ, mỗi danh mục đầu tư ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
 - Tách biệt tài sản của Công ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản Lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà Đầu Tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản Lý Quỹ quản lý.
- Tất cả các giao dịch chứng khoán của Hội đồng quản trị Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Ban Điều Hành, Kiểm Soát Viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều Lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
- Công Ty Quản Lý Quỹ ban hành và áp dụng các quy trình, quy chế quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ chặt chẽ để giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa các Quỹ.

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Việc công bố thông tin của Quỹ được thực hiện qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:
 - Trên trang thông tin điện tử và/ hoặc các ấn phẩm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối; hoặc
 - Trên các phương tiện thông tin đại chúng khác phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm Nhà Đầu Tư truy xuất được thông tin về thống kê giao dịch theo quy định. Trong trường hợp nhà đầu tư yêu cầu, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi thống kê giao dịch, số dư tài khoản, tiểu khoản trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Nhà Đầu Tư.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà Đầu Tư các tài liệu quỹ gồm Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt; Báo cáo định kỳ hàng tuần về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ; Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm về hoạt động đầu tư của quỹ; Báo cáo 6 tháng và năm về tổng kết hoạt động quản lý quỹ; Báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính 6 tháng đã được soát xét, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của Quỹ theo quy định của pháp luật. Các tài liệu này được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu Tư trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu Tư.
4. Trong trường hợp Nhà Đầu Tư có yêu cầu, Công Ty Quản Lý Quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản cho Quỹ.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Nhà Đầu Tư nếu có các thắc mắc hoặc yêu cầu hỗ trợ, tư vấn, vui lòng liên hệ:

Công ty cổ phần quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam)

Địa chỉ liên hệ: Tầng 7, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-28) 3910 3757

Fax: (84-28) 3910 3794

Email: vn-uobam-bd@UOBgroup.com

XV. CAM KẾT

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản Cáo Bạch này.

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

- Phụ lục 1: Quy trình và hướng dẫn đăng ký giao dịch Chứng Chỉ Quỹ
- Phụ lục 2: Mẫu phiếu giao dịch Chứng Chỉ Quỹ
- Phụ lục 3: Danh sách Đại Lý Phân Phối, Điểm Nhận Lệnh giao dịch Chứng Chỉ UVDIF và địa chỉ cung cấp Bản Cáo Bạch
- Phụ lục 4: Tóm tắt Điều Lệ Quỹ
- Phụ lục 5: Phương pháp xác định giá trị tài sản của Quỹ

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



Nguyễn Thuỳ Linh
Phó phòng Dịch vụ nghiệp vụ giám sát Quỹ

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
UOB ASSET MANAGEMENT (VIỆT NAM)**



Thiều Thị Nhật Lệ
Tổng Giám đốc

U.G.P: C
CỔ PH
QUỸ I
MAN
(VI
1 - 7

PHỤ LỤC 1: QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

I. Hướng dẫn mở/đóng tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ và Chuyển tiền mua Chứng chỉ Quỹ

A. Mở tài khoản

1. Nhà Đầu Tư phải mở Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở để thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư thực hiện mở Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở tại các Đại Lý Phân Phối chỉ định được liệt kê trong Phụ lục 3 Bản Cáo Bạch này hoặc theo danh sách Đại Lý Phân Phối được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Tại mỗi Đại Lý Phân Phối, Nhà Đầu Tư có thể đăng ký mở 01 tài khoản giao dịch trực tiếp và 01 tiểu khoản giao dịch ký danh.
2. Hồ sơ đăng ký mở Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở bao gồm:
 - (a) Đối với Nhà Đầu Tư cá nhân:
 - (i) Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở cho nhà đầu tư cá nhân
 - (ii) Bản sao hợp lệ CMND/ CCCD/ Hộ chiếu
 - (iii) Các văn bản ủy quyền (nếu có)
 - (iv) Các loại giấy tờ khác (nếu có) như: bản sao hợp lệ CMND/căn cước công dân/hộ chiếu của người được nhận ủy quyền.
 - (v) Giấy tờ bổ sung khác đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài: (1) Bản sao Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp, (ii) Bản sao hợp lệ Giấy xác nhận Mã số giao dịch từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (trading code), (iii) Bản chính các tài liệu FATCA (nếu có) (ví dụ Bản tự chứng nhận cho pháp nhân theo FATCA/ Bản tự chứng nhận cho cá nhân theo FATCA/ Bản chứng nhận miễn trừ báo cáo theo yêu cầu của FATCA)
 - (b) Đối với Nhà Đầu Tư tổ chức:
 - (i) Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở cho nhà đầu tư tổ chức (Mẫu 01B ở Phụ lục 02 Bản Cáo Bạch này)
 - (ii) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các bản điều chỉnh (nếu có)
 - (iii) Bản chính Giấy ủy quyền chỉ định cán bộ lãnh đạo tham gia ký kết và giao dịch trên tài khoản tại Đại Lý Phân Phối.
 - (iv) Các loại giấy tờ khác (nếu có) như: bản sao hợp lệ có công chứng CMND/ căn cước công dân của người được nhận ủy quyền, người đại diện.
 - (v) Giấy tờ bổ sung đối với Nhà Đầu Tư tổ chức nước ngoài: (i) Bản sao Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp, (ii) Bản sao hợp lệ Giấy xác nhận Mã số giao dịch chứng khoán từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, (iii) Bản chính các mẫu đơn FATCA (nếu có), ví dụ mẫu khai báo thuế Mỹ.
3. Trình tự thực hiện:
 - (a) Nhà Đầu Tư hoàn thiện hồ sơ đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở và nộp cho Đại Lý Phân Phối chỉ định.
 - (b) Đại Lý Phân Phối kiểm tra tính xác thực, đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Bản Cáo

Bạch, Điều Lệ Quỹ và pháp luật có liên quan. Trường hợp đáp ứng các yêu cầu, theo quy định, Đại Lý Phân Phối chuyển các thông tin tại hồ sơ đề nghị mở Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở của Nhà Đầu Tư cho Đại Lý Chuyển Nhượng để thực hiện mở tài khoản. Trường hợp thông tin về Nhà Đầu Tư yêu cầu mở tài khoản không đáp ứng quy định của Bản Cáo Bạch và Điều Lệ Quỹ, Đại Lý Phân Phối có quyền từ chối không mở tài khoản cho NĐT.

- (c) Trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký mở tài khoản đầy đủ và hợp lệ, Đại Lý Phân Phối thông báo cho Nhà Đầu Tư các thông tin về tài khoản đã mở.
- (d) Sau khi được mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở, Nhà Đầu Tư có thể giao dịch chứng chỉ quỹ mở UVDIF.

B. Đóng tài khoản

1. Nhà Đầu Tư đóng Tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ mở chỉ có thể thực hiện khi tài khoản của Nhà Đầu Tư không còn số dư chứng chỉ quỹ và không còn lệnh giao dịch hoặc quyền đang thực hiện.
2. Hồ sơ yêu cầu đóng Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở bao gồm:
 - (i) Phiếu đề nghị đóng tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở
 - (ii) Đơn đề nghị thay đổi thông tin (nếu có)
 - (iii) Bản sao hợp lệ CCCD/CMND/Passport/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh (nếu có)
3. Trình tự thực hiện:
 - (i) Nhà Đầu Tư hoàn thiện hồ sơ yêu cầu đóng tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở và nộp cho Đại Lý Phân Phối chỉ định
 - (ii) Đại Lý Phân Phối kiểm tra tính xác thực, đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Bản Cáo Bạch, Điều Lệ Quỹ và pháp luật có liên quan. Trường hợp đáp ứng các yêu cầu, theo quy định, Đại Lý Phân Phối chuyển các thông tin tại hồ sơ đề nghị đóng Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở của Nhà Đầu Tư cho Đại Lý Chuyển Nhượng để thực hiện đóng tài khoản. Trường hợp thông tin về Nhà Đầu Tư yêu cầu đóng tài khoản không đáp ứng quy định của Bản Cáo Bạch và Điều Lệ Quỹ, Đại Lý Phân Phối có quyền từ chối yêu cầu đóng tài khoản cho NĐT.
 - (iv) Trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu đóng tài khoản đầy đủ và hợp lệ, Đại Lý Phân Phối thông báo cho Nhà Đầu Tư các thông tin về tài khoản đã đóng.

C. Chuyển tiền mua Chứng Chỉ Quỹ

1. Đối với hình thức đầu tư thông thường

Nhà đầu tư/Người được ủy quyền chuyển tiền đặt mua Chứng chỉ Quỹ đến đúng tài khoản đầu tư thông thường của Quỹ được mở tại Ngân hàng Giám sát theo nội dung sau:

[Tên nhà đầu tư] [Số tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ]

Ví dụ: Tran Thi An 905C111111

2. Đối với hình thức đầu tư qua thỏa thuận đầu tư định kỳ (SIP)

Nhà đầu tư/Người được ủy quyền chuyển tiền đặt mua Chứng chỉ Quỹ đến đúng tài khoản đầu tư định kỳ của Quỹ được mở tại Ngân hàng Giám sát theo nội dung sau:

[Tên nhà đầu tư] [Số tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ]

Ví dụ: Tran Thi An 905C111111

II. Thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ tại các phiên giao dịch định kỳ

Bước 1: Mở tài khoản

Đối với Nhà Đầu Tư lần đầu thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập, Nhà Đầu Tư đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở theo hướng dẫn tại Phần I ở trên.

Bước 2: Đăng ký giao dịch

Nhà Đầu Tư điền thông tin vào Phiếu Lệnh Đăng Ký Mua/Bán/Chuyển Đổi/Chuyển Nhượng Chứng Chỉ Quỹ, Đăng ký tham gia Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ, sửa, hủy lệnh, thay đổi thông tin bằng cách điền vào các phiếu tương ứng theo mẫu tại Phụ Lục 2 và nộp cho Đại Lý Phân Phối.

Bước 3: Nộp tiền đối với lệnh mua Chứng Chỉ Quỹ

Bước 4: Đại Lý Phân Phối tiến hành kiểm tra tính đầy đủ và chính xác của hồ sơ và các thông tin ghi trên phiếu lệnh, và có thể yêu cầu Nhà Đầu Tư bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ/thông tin theo đúng quy định.

Bước 5: Đại Lý Phân Phối chuyển thông tin về lệnh giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Đại Lý Chuyển Nhượng.

Bước 6: Đại Lý Chuyển Nhượng tổng hợp lệnh giao dịch và phân bổ Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư đối với các lệnh hợp lệ.

Bước 7: Kết quả giao dịch sẽ được Đại Lý Phân Phối thông báo đến Nhà Đầu Tư trong vòng ba (03) ngày kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ nhưng không quá Ngày Giao Dịch tiếp theo.

Bước 8: Thanh toán tiền bán đối với lệnh bán. Tiền bán chứng khoán sẽ được thanh toán vào tài khoản đăng ký của Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày sau Ngày Giao Dịch.

PHỤ LỤC 2: MẪU GIẤY GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

1. Mẫu Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở cho nhà đầu tư cá nhân
2. Mẫu Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở cho nhà đầu tư tổ chức
3. Mẫu Phiếu lệnh mua chứng chỉ quỹ mở
4. Mẫu Phiếu lệnh bán chứng chỉ quỹ mở
5. Mẫu Phiếu lệnh chuyển đổi chứng chỉ quỹ mở
6. Mẫu Phiếu sửa lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ mở
7. Mẫu Phiếu hủy lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ mở
8. Mẫu Phiếu lệnh chuyển nhượng chứng chỉ quỹ mở
9. Mẫu Phiếu thay đổi thông tin nhà đầu tư
10. Thỏa thuận Chương trình đầu tư định kỳ chứng chỉ quỹ mở
11. Phiếu đề nghị đóng tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ

Các mẫu giao dịch Chứng Chỉ Quỹ được cung cấp tại các Đại Lý Phân Phối của Quỹ.

P. 4
C
Ồ PH
JUỖ L
MAN
(VI
T.

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐIỂM NHẬN LỆNH GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ UVDIF VÀ ĐỊA CHỈ CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH

Chứng Chỉ Quỹ UVDIF được phân phối tại các Điểm Nhận Lệnh dưới đây của các Đại Lý Phân Phối được chỉ định.

1. Công ty cổ phần quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam)

Giấy phép hoạt động số: 49/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 23/01/2009

Trụ sở chính: Lầu 7, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam

Địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ: Lầu 7, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3910 3757 Fax: (028) 3910 3794

2. Công ty cổ phần chứng khoán Kỹ Thương (TCBS)

Giấy phép hoạt động số 125/GP-UBCK ngày 30/05/2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các giấy phép điều chỉnh.

Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng: số 55/GCN-UBCK ngày 31/12/2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính: Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, Số 119 Đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ: Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, Số 119 Đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 1800588826 Fax: (84-4) 3633 1808

3. Công ty cổ phần Fincorp

Giấy phép hoạt động số: 0314127430 do Sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 23/11/2016; thay đổi lần thứ 14 ngày 05/01/2024.

Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở số 01/GCN-UBCK do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 02/04/2028.

Trụ sở chính: 176/1-176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ: 176/1-176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (+84) 28 3636 1079 Fax: (+84) 28 3636 1078

Danh sách Đại Lý Phân Phối và Điểm Nhận Lệnh có thể thay đổi sau khi hoàn thành các thủ tục thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của Pháp luật và sẽ được cập nhật trên website của Công Ty Quản Lý Quỹ (www.uobam.com.vn)

4. Công ty cổ phần chứng khoán VINA

Giấy phép hoạt động số: 50/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban chứng khoán cấp ngày 29/12/2006.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015219 do Sở KH&ĐT TP Hà Nội cấp ngày 26/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 23/05/2023.

Trụ sở chính: Phòng 702, Tầng 7, Tòa nhà Capital Building, số 58 Kim Mã, Kim mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.

Địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ: Phòng 702, Tầng 7, Tòa nhà Capital Building, số 58 Kim Mã, Kim mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (+84)66878996

5. Công ty cổ phần InvestingPro

Giấy phép ĐKKD số: 0110570549 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/12/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 34/GCN-UBCK ngày 23/04/2024.

Trụ sở chính: SVP.313, Tầng 03, Tòa nhà The Golden Palm, Số 21 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ: SVP.313, Tầng 03, Tòa nhà The Golden Palm, Số 21 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Danh sách Đại Lý Phân Phối và Điểm Nhận Lệnh có thể thay đổi sau khi hoàn thành các thủ tục thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của Pháp luật và sẽ được cập nhật trên website của Công Ty Quản Lý Quỹ (www.uobam.com.vn)

Bản Cáo Bạch QUỸ ĐẦU TƯ UNITED THU NHẬP NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM được cung cấp tại các địa điểm phân phối trên.

PHỤ LỤC 4: TÓM TẮT ĐIỀU LỆ QUỸ

Nhà Đầu Tư cần lưu ý các thông tin trong Phụ lục này là thông tin tóm tắt Điều Lệ Quỹ Đầu Tư United Thu Nhập Năng Động Việt Nam, trong trường hợp có sự sai lệch và khác biệt giữa nội dung của Bản Cáo Bạch này và Điều lệ Quỹ, các quy định của Điều lệ Quỹ sẽ được áp dụng. Điều Lệ Quỹ UVDIF gồm 14 chương, 72 điều và 04 Phụ lục, bao gồm những nội dung chính sau:

1. Chương I: Các điều khoản chung

Chương này gồm 7 điều, từ Điều 1 đến Điều 7, cung cấp các thông tin liên quan đến tên, địa chỉ liên hệ, mục đích, thời hạn hoạt động, nguyên tắc tổ chức của Quỹ, tổng vốn huy động và số lượng Chứng Chỉ Quỹ chào bán, các thông tin về Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát. Vốn Điều Lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là năm mươi tỷ (50.000.000.000) đồng. Mệnh giá của mỗi Đơn Vị Quỹ là mười nghìn (10.000) đồng. Quỹ hoạt động theo mô hình quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật có liên quan. Quỹ không giới hạn về thời hạn hoạt động và cơ quan quyền lực cao nhất của UVDIF là Đại hội Nhà Đầu Tư. Quỹ chỉ định Công ty quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam) làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành Chứng Chỉ UVDIF.

2. Chương II: Các quy định về mục tiêu, chiến lược đầu tư, hạn chế đầu tư, hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ và phương pháp đầu tư

Chương này gồm 13 điều, từ Điều 8 đến Điều 20, quy định mục tiêu, chiến lược đầu tư, hạn chế đầu tư, hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ và phương pháp đầu tư của Quỹ; Và quy định các nội dung về Nhà Đầu Tư, quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư, Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư và các quy định về giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, Giá Phát Hành Lần Đầu, Giá Bán, Giá Mua Lại đơn vị quỹ mở, thừa kế Chứng Chỉ Quỹ và Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu Chứng Chỉ UVDIF. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng Chỉ Quỹ mà họ sở hữu.

Nhà Đầu Tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu Tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng Chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà Đầu Tư tổ chức ký. Quỹ không chào bán Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư là công dân Hoa Kỳ.

Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư được quy định tại Điều 14 Điều Lệ Quỹ:

1. Nhà Đầu Tư có quyền:
 - (a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ tương ứng với tỷ lệ vốn góp;
 - (b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ tương ứng với số Đơn Vị Quỹ Nhà Đầu Tư sở hữu (nếu còn);

- (c) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ (nếu có);
- (d) Khởi kiện Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
- (e) Được ứng cử và bầu vào Ban Đại Diện UVDIF khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 27 của Điều Lệ UVDIF;
- (f) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư;
- (g) Được đối xử công bằng, mỗi Chứng Chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
- (h) Tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
- (i) Được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;
- (j) Các quyền khác theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ UVDIF.

2. Nhà Đầu Tư có các nghĩa vụ sau đây:

- (a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ, chấp hành quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư.
- (b) Thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian quy định và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng Chỉ Quỹ.
- (c) Tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
- (d) Đồng ý với việc các thông tin của người sở hữu Chứng chỉ quỹ có thể được cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- (e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ UVDIF.

Quy định về Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư được quy định tại Điều 15 Điều Lệ Quỹ:

1. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký nhà đầu tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.
2. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư phải có các nội dung sau:
 - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát; tên đầy đủ của Quỹ;
 - (b) Tổng số Chứng Chỉ Quỹ được quyền chào bán, tổng số Chứng Chỉ Quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho quỹ;
 - (c) Thông tin Nhà Đầu Tư:
 - (i) Đối với cá nhân: Họ và tên Nhà Đầu Tư, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu

- có);
- (ii) Đối với tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính; họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu (đối với người được ủy quyền không mang quốc tịch Việt Nam) còn hiệu lực hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có) của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
- (d) Số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của Nhà Đầu Tư; hoặc số tiểu khoản kèm theo Số tài khoản ký danh; Mã số giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài);
- (e) Số lượng và tỷ lệ sở hữu Chứng Chỉ Quỹ, ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;
- (f) Ngày lập Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu Tư, kể cả Nhà Đầu Tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu Tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư. Quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu Tư được cập nhật tại Sổ chính.
4. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư được lưu trữ tại trụ sở Tổ chức cung cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng và Công Ty Quản Lý Quỹ.

3. Chương III: Đại Hội Nhà Đầu Tư

Chương này gồm 06 điều, từ Điều 21 đến Điều 26, quy định các nội dung liên quan đến Đại Hội Nhà Đầu Tư, Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư, Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và việc phản đối Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ. Tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội và biểu quyết các vấn đề sau:

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;
- Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;
- Quyết định việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
- Quyết định phương án phân phối lợi tức;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;
- Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;

- Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ (nếu có);
- Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà Đầu Tư;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại Điều Lệ UVDIF

4. Chương IV: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Chương này gồm bảy (7) Điều, từ Điều 27 đến Điều 33, quy định các nội dung cơ bản về Ban Đại Diện Quỹ, bao gồm: số lượng thành viên Ban Đại Diện Quỹ, cơ cấu, thành phần Ban Đại Diện Quỹ; tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ, Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ; thủ tục điều hành của Ban Đại Diện Quỹ; đình chỉ, bãi nhiệm và miễn nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ; Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ.

Theo đó, Ban Đại Diện Quỹ do Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra, đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ được quy định tại Điều 29 Điều Lệ Quỹ, bao gồm:

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà Đầu Tư;
2. Phê duyệt sổ tay định giá Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại Điểm a, b Khoản 3 Điều 9 Điều Lệ UVDIF;
3. Chấp thuận các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận theo thẩm quyền của Ban Đại Diện Quỹ;
4. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;
5. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
6. Trường hợp Đại hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền, Ban Đại Diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 3 Điều Lệ UVDIF. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ theo quy định về công bố thông tin đối với Quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư;
7. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý quỹ và hoạt động giám sát;
8. Giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định pháp luật;
9. Trung thành với lợi ích của Quỹ, tránh các xung đột về quyền lợi, gây thiệt hại cho Quỹ, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc trong trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích giữa thành viên và Quỹ, giữa thành viên và những Người Có Liên Quan của Quỹ;
10. Ban Đại Diện Quỹ không được trực tiếp hay gián tiếp:
 - (a) Dùng tài sản Quỹ cho bất kỳ Nhà Đầu Tư nào của Quỹ đầu tư vay tiền;
 - (b) Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hay cung cấp tài sản thế chấp cho Nhà Đầu Tư vay tiền;

- (c) Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản thế chấp cho một công ty khác vay tiền;
- (d) Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của Quỹ đầu tư cũng như của Khách Hàng cho bất cứ ai.

11. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Quy định về Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ được quy định tại Điều 30 Điều Lệ Quỹ, theo đó:

1. Đại hội Nhà Đầu Tư bầu Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;
 - (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ;
 - (c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ;
 - (d) Ban hành Thông báo việc đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Điều Lệ Quỹ

Thủ tục điều hành của Ban Đại Diện Quỹ được quy định tại Điều 31 Điều Lệ Quỹ:

Trường hợp Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại Diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên gần nhất.

Thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị đình chỉ, bãi nhiệm, và miễn nhiệm trong các trường hợp tại Điều 33 Điều Lệ Quỹ. Cụ thể, thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- (a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 28 của Điều Lệ Quỹ;
- (b) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- (c) Có đơn từ chức, và được chấp thuận.
- (d) Có văn bản thông báo thành viên Ban Đại Diện Quỹ chấm dứt tư cách đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu Tư tổ chức

Thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
- b) Bị khởi tố hoặc truy tố;
- c) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- d) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại Diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.

Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại Diện Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần hoặc theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ để thảo luận và quyết định

các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.

Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên tham dự, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp trở lên, bao gồm cả người đại diện họp thay thành viên Ban Đại Diện tại phiên họp mà được ủy quyền biểu quyết, và cả những thành viên Ban Đại Diện không đến dự họp trực tiếp nhưng có gửi ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn với sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp.

Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ có thể họp trực tiếp, họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên số thành viên Ban Đại Diện Quỹ dự họp và trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên số thành viên Ban Đại Diện Quỹ độc lập thông qua.

Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban Đại Diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực.

5. Chương V: Công Ty Quản Lý Quỹ

Chương này gồm bốn (04) Điều, từ Điều 34 đến Điều 37, quy định các nội dung về tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ; trách nhiệm và quyền hạn của Công Ty Quản Lý Quỹ; chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công Ty Quản Lý Quỹ; hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Theo quy định tại Điều 34 Điều Lệ Quỹ thì tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ như sau:

- Đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp phép hoạt động quản lý quỹ.
- Hoàn toàn độc lập với Ngân Hàng Giám Sát.
- Có đầy đủ nhân sự và khả năng thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ theo quy định của pháp luật.
- Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều Lệ Quỹ.

Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ được quy định tại Điều 35 Điều Lệ Quỹ:

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:

- (a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.
- (b) Công Ty Quản Lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng.
- (c) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải:
 - (i) Ký Hợp Đồng Giám Sát với Ngân Hàng Giám Sát;
 - (ii) Thực hiện lưu ký toàn bộ tài sản của Quỹ phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát;

- (iii) Trường hợp đầu tư tiền gửi cho Quý, Công Ty Quản Lý Quý chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban Đại Diện Quý phê duyệt; phải cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho Ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc các hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát;
- (iv) Trường hợp đầu tư vào phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết cho Quý: Công Ty Quản Lý Quý phải lưu ký bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch, hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
- (v) Có hệ thống quản lý nhằm tách biệt tài sản của Quý và tài sản của chính công ty, tài sản của Khách Hàng ủy thác do công ty quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quý; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quý và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
- (vi) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quý trên hệ thống tài khoản của Quý quản lý tại công ty, hệ thống lưu ký tài sản của Quý tại ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát với các tổ chức phát hành, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công Ty Quản Lý Quý có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quý;
- (vii) Thực hiện việc đầu tư tài sản quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ;
- (viii) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý Quý. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán..
- Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản Cáo Bạch.
- (d) Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quý, cho Khách Hàng ủy thác khác và cho bản thân công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác

định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng Khách Hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng Khách Hàng ủy thác. Quy trình này phải được cung cấp cho Khách Hàng ủy thác, ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát và được áp dụng thống nhất.

(e) Trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:

- (i) Thực hiện việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ; giá trị tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ;
- (ii) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.
- (iii) Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền các hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng cho các tổ chức cung cấp dịch vụ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về ủy quyền hoạt động và các quy định tại Điều lệ quỹ.

(f) Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, danh mục tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) cho Ngân Hàng Giám Sát và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân Hàng Giám Sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân Hàng Giám Sát để Ngân Hàng Giám Sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân Hàng Giám Sát.

(g) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát phát hiện và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải hủy bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ.

(h) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ quỹ.

(i) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của quỹ, công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.

(j) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết đến từng vị trí công tác. Quy định về việc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp của công ty

C.T.C.
V.L.Y.
SET
NT
CHI

là điều khoản bắt buộc của hợp đồng lao động giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và người lao động trong công ty.

(k) Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do Công Ty Quản Lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, Nhà Đầu Tư vào quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan.

(l) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại Lý Phân Phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết Khách Hàng, xác minh và cập nhật thông tin Khách Hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết Khách Hàng, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp Khách Hàng:

- Trường hợp không gặp mặt trực tiếp Khách Hàng, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin Khách Hàng và xác minh chính xác Khách Hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin Khách Hàng;
- Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết Khách Hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết Khách Hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- Trước khi triển khai hoạt động nhận biết Khách Hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối tạm dừng hoặc chấm dứt việc thực hiện nhận biết Khách Hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp.

(m) Việc sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu Điều lệ quỹ có điều khoản cho phép thực hiện. Trước khi thực hiện, Công Ty Quản Lý Quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu Tư và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

(n) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:

- (i) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá chứng khoán trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ; và
- (ii) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, không được vượt quá 20% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ.

Quy định này không áp dụng nếu Quỹ có thời gian hoạt động chưa đủ 6 tháng tính từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến hết năm quỹ được thành lập.

- (o) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

- (p) Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:

- (i) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người Có Liên Quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và bảo mật, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người Có Liên Quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;
- (ii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa hoạt động quản lý tài sản ủy thác; hoạt động nghiên cứu, phân tích đầu tư, thực hiện đầu tư; hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;
- (iii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự cơ sở dữ liệu giữa hoạt động quản lý quỹ với hoạt động đầu tư tài chính của công ty, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

- (q) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ có các quyền sau:

- (a) Lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ;
- (b) Được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư vào Quỹ;
- (c) Có quyền từ chối phát hành Chứng Chỉ Quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà Đầu Tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- (d) Được thay mặt, đại diện cho quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- (e) Khi thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành, công ty cổ phần mà Quỹ là cổ đông, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát được ủy quyền thực hiện, phải bảo đảm ý kiến biểu quyết của mình là không gây bất kỳ ảnh hưởng nào tới quyết định mà các cổ đông khác tham gia biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật;
- (f) Ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ;
- (g) Được hưởng các khoản giá dịch vụ, phí được quy định trong Điều lệ quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
- (h) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;
- (i) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ;
- (j) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ UVDIF và các quy định khác của pháp luật.

6. Chương VI: Ngân Hàng Giám Sát

Chương này gồm bốn (04) điều, từ Điều 38 đến Điều 41, quy định về tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát; trách nhiệm, quyền hạn của Ngân Hàng Giám Sát; hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát; chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân Hàng Giám Sát.

Các tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát như sau:

- Ngân Hàng Giám Sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng Khoán;
- Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công Ty Quản Lý Quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát. Ngân Hàng Giám Sát, Thành Viên Hội Đồng Quản Trị, người điều hành, nhân viên của Ngân Hàng Giám Sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ không được là Người Có Liên Quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công Ty Quản Lý Quỹ và ngược lại.
- Ngân Hàng Giám Sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, người điều hành, nhân viên của Ngân Hàng Giám Sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.
- Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký.
- Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ Lục 2 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ Quỹ.

Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát tại Điều 39 Điều Lệ Quỹ:

1. Nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát:

- (a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu Tư quỹ;
- (b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng Giám sát;

- (c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều Lệ Quỹ;
- (d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp Đồng Giám Sát và Điều Lệ Quỹ;
- (e) Quản lý tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những Khách Hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát.
- (f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- (g) Giám sát hoặc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ là chính xác;
- (h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- (i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ;
- (j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- (k) Thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư của Quỹ khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu Tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- (l) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và Hợp Đồng Giám Sát.

2. Quyền của Ngân Hàng Giám Sát:

- (a) Ngân Hàng Giám Sát được hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;
- (b) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

Ngân Hàng Giám Sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- (a) Ngân Hàng Giám Sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;
- (b) Ngân Hàng Giám Sát đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, Hợp Đồng Giám Sát;
- (c) Quỹ hết thời gian hoạt động hoặc bị giải thể, bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập;

(d) Theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;

(e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trong các trường hợp trên, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát được chuyển giao cho một Ngân Hàng Giám Sát khác phải theo quy định của pháp luật.

7. Chương VII: Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

Chương này gồm năm (05) điều, từ Điều 42 đến Điều 46, quy định về các hoạt động được ủy quyền, tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền và chấm dứt hoạt động ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thuê bên thứ ba làm nhà cung cấp dịch vụ cho hoạt động quản trị quỹ và đại lý chuyển nhượng cho UVDIF.

Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan bao gồm:

- Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.

Các tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để cung cấp dịch vụ liên quan phải là các tổ chức được pháp luật cho phép về lĩnh vực thực hiện. Đồng thời, các tổ chức này phải tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu đầy đủ. Hệ thống nhân sự phải có kinh nghiệm chuyên môn, được huấn luyện cập nhật thường xuyên và hoạt động chuyên nghiệp.

- Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

Giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ rõ ràng và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng, theo luật định

Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:

Đối với dịch vụ quản trị quỹ:

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
- Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

Đối với Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng

- Lập và quản lý Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ;
- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ; cập nhật Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư;
- Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà

Đầu Tư;

- Duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

8. Chương VIII: Đại Lý Phân Phối

Chương này gồm ba (03) điều, từ Điều 47 đến Điều 49, quy định về điều kiện lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ mở, hoạt động của Đại Lý Phân Phối, quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ. Theo đó, điều kiện lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ là:

- Là công ty chứng khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng Chỉ Quỹ đại chúng và ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ;
- Đại Lý Phân Phối phải có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ mở;
- Tại mỗi địa điểm phân phối có tối thiểu 02 nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán; hoặc là người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài và đã có chứng chỉ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Việt Nam; hoặc có các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán bao gồm chứng chỉ: những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, phân tích và đầu tư chứng khoán, môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Có cơ sở vật chất, kỹ thuật đảm bảo hoạt động phân phối Chứng Chỉ Quỹ;
- Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi, và bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ.

Hoạt động của Đại Lý Phân Phối được quy định cụ thể trong Điều 48, Điều lệ quỹ:

- (a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
- (b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Tổ chức cung cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư; Đại Lý Phân Phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được Đại Lý Phân Phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời

điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu Tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử;

- (c) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sở đăng ký Nhà Đầu Tư, xác nhận quyền sở hữu Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;
- (d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ;
- (e) Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;
- (f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

9. Chương IX: Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

Chương này gồm năm (05) điều, từ Điều 50 đến Điều 54, quy định về tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công Ty Kiểm Toán, Năm Tài Chính, chế độ kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo khác. Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nằm trong danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận của UBCKNN được công bố hàng năm.
- Uy tín và kinh nghiệm kiểm toán cho các quỹ đầu tư.
- Không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

Năm Tài Chính của Quỹ là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm Tài Chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

10. Chương X: Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ

Chương này gồm năm (5) điều, từ Điều 55 đến Điều 59, quy định các nội dung liên quan đến xác định giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ. Nội dung của Chương này đã được nêu tại mục X của Bản Cáo

Bạch này.

11. Chương XI: Thu nhập, các chi phí hoạt động và phân phối lợi nhuận quỹ

Chương này gồm năm (05) điều, từ Điều 60 đến Điều 64, quy định về thu nhập, phân chia lợi nhuận và các loại giá dịch vụ và chi phí hoạt động của Quỹ. Theo đó, UVDIF sẽ phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

12. Chương XII: Tái cơ cấu Quỹ

Chương này gồm ba (03) điều, từ Điều 65 đến Điều 67, quy định các điều kiện hợp nhất, sáp nhập, chia, tách và giải thể Quỹ. Theo đó, việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Quỹ chỉ được thanh lý, giải thể trong các trường hợp sau đây:

- (a) Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ bị thu hồi mà không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
- (b) Công Ty Quản Lý Quỹ đơn phương đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác định được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;
- (c) Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
- (d) Ngân Hàng Giám Sát đơn phương đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân Hàng Giám Sát;
- (e) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ liên tục trong sáu (06) tháng;
- (f) Giải thể quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư.

13. Chương XIII: Giải quyết các xung đột về lợi ích

Chương này có một (01) điều (Điều 68), quy định về nguyên tắc kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, giữa Quỹ với các Khách Hàng đầu tư uỷ thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ. Theo đó, để tránh các xung đột về lợi ích, Công Ty Quản Lý Quỹ phải:

- Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
- Tách biệt tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý và tài sản của Nhà Đầu Tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
- Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và

pháp luật hiện hành;

- Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

14. Chương XIV: Công bố thông tin và sửa đổi, bổ sung, đăng ký Điều lệ

Chương này gồm bốn (04) điều, từ Điều 69 đến Điều 72, quy định về công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư, sửa đổi bổ sung Điều Lệ, đăng ký Điều Lệ và điều khoản thi hành Điều lệ quỹ. Quỹ được chính thức thành lập sau khi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy Chứng nhận Đăng Ký thành Lập Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Điều Lệ Quỹ có 04 Phụ lục:

Phụ lục 1: Cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ

Phụ lục 2: Cam kết của Ngân Hàng Giám Sát

Phụ lục 3: Cam kết chung của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát

Phụ lục 4: Phương pháp xác định giá trị tài sản của quỹ

PHỤ LỤC 5: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết (giá sạch) bình quân gia quyền trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp Trái phiếu không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc giá trái phiếu của kỳ định giá có biến động lớn theo chi tiết được đề cập trong sổ tay định giá thì giá trái phiếu được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế tính đến hết ngày trước ngày định giá; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế tính đến hết ngày trước ngày định giá. + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận. - Trường hợp trái phiếu trong giai đoạn đấu thầu mà chưa có giá niêm yết thì được định giá bằng giá trúng thầu của Trái phiếu. - Trường hợp Trái phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì giá được xác định như các tiêu chí của mục Trái phiếu không niêm yết. - Trường hợp Trái phiếu bị huỷ niêm yết vì gần đến ngày đáo hạn thì giá được xác định bằng Mệnh giá cộng lãi lũy kế tính đến hết ngày trước ngày định giá - Đối với Trái phiếu niêm yết chuyển đổi thành cổ phiếu: Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo cơ

P: 48
 CÔI
 SỞ PHẢ
 QUỸ UI
 MAN/
 (VIỆ
 T.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		sở Trái phiếu niêm yết như trên. Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.
7	Trái phiếu không niêm yết	Là một trong các mức giá sau: + Giá niêm yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế tính đến hết ngày trước ngày định giá; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế tính đến hết ngày trước ngày định giá; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận - Đối với Trái phiếu chuyển thành cổ phiếu: Tại ngày trước ngày chuyển đổi, giá được xác định theo cơ sở Trái phiếu không niêm yết như trên. Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.
Cổ phiếu		
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày tính đến ngày trước ngày định giá; + Giá trị sổ sách; + Giá mua;
9	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày tính đến ngày trước ngày định giá; + Giá trị sổ sách + Giá mua;
10	Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch	Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
11	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận trong từng trường hợp cụ thể.
12	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận trong từng trường hợp cụ thể.
13	Cổ phần, phần vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết)	Là một trong các mức giá sau: - Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do 03 tổ chức báo giá cung cấp; - Giá trung bình của hai (02) tổ chức báo giá; - Giá trị sổ sách; - Giá mua/giá trị vốn góp; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận trong từng trường hợp cụ thể.
14	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = $\text{Max}\{0, (\text{Giá trị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá} - \text{số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua}) \times \text{tỷ lệ thực hiện quyền}\}$
Chứng chỉ quỹ		
15	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá. Là một trong các mức giá như sau: + Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ đó được công bố thông tin trên website của công ty quản lý quỹ đó; hoặc trên Sở giao dịch; hoặc trên website của công ty quản lý quỹ đó; hoặc trên Sở giao dịch; hoặc trên website UBCKNN tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá. + Giá mua
16	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó trước Ngày Định Giá của UVDIF
Các tài sản khác		

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
17	Các tài sản được phép đầu tư khác	Là một trong các mức giá sau: - Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do 03 tổ chức báo giá cung cấp. - Giá trung bình của hai (02) tổ chức báo giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận trong từng trường hợp cụ thể.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá.
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo.
- Tại phần này, ngày được hiểu là ngày theo lịch.

H...